



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2005

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN
KỸ THUẬT
VIỆT NAM

VIETNAM
TECHNOLOGICAL
AND
COMMERCIAL
JOINT STOCK BANK

ANNUAL
REPORT
2005

Sáng tạo giá trị, Chia sẻ thành công
Creating values, Sharing successes





HỘI SỞ TECHCOMBANK

15 Đào Duy Từ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tel: +84 (4) 824 3941 / Fax: +84 (4) 825 0545
Telex: 411 349 HSC TCB / SWIFT: VTCBVN VX REUTERS: TCBV E-mail: ho@techcombank.com.vn

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU CỦA NĂM 2005



- 1** Tăng vốn điều lệ từ 412,7 tỷ đồng lên 617,66 tỷ đồng, tổng tài sản tăng 37%, đạt 10.666,106 tỷ đồng, ở trong nhóm 5 ngân hàng TMCP lớn nhất về vốn điều lệ và quy mô.
- 2** Lợi nhuận trước thuế tăng 170% so với năm 2004, đạt 286 tỷ đồng, trở thành một trong ba ngân hàng TMCP có mức lợi nhuận cao nhất.
- 3** Mở thêm 6 chi nhánh cấp 1 tại 6 tỉnh thành trên cả nước: Lào Cai, Bắc Ninh, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Nha Trang, Vũng Tàu. Mở mới 14 phòng giao dịch, nâng tổng số điểm giao dịch của toàn hệ thống tính đến thời điểm cuối năm 2005 lên gần 50 điểm, trải rộng trên 12 tỉnh thành phố lớn.
- 4** Chính thức triển khai hai sản phẩm phái sinh Hợp đồng tương lai hàng hoá cho đậu tương và cao su và Quyền chọn ngoại tệ - Việt Nam đồng, cung cấp thêm công cụ bảo hiểm rủi ro cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong nước.
- 5** Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 đã được triển khai xong trên toàn hệ thống, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng tới khách hàng và quản trị rủi ro.
- 6** Được dự án Quỹ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, do Chính phủ Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu tài trợ, lựa chọn là một trong bốn ngân hàng Việt Nam làm trung gian cho vay có kỳ hạn đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước.
- 7** Khai trương phần mềm chuyển mạch và quản lý thẻ của hằng Compass Plus, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành và thanh toán thẻ.
- 8** Thẻ F@stAccess sau 2 năm triển khai đã nhận được bình chọn là sản phẩm Sao Vàng Đất Việt như một sự công nhận của người tiêu dùng về chất lượng và thương hiệu.
- 9** Trở thành ngân hàng đầu tiên của Việt Nam chuyển đổi thành công phần mềm corebanking sang phiên bản mới nhất của Temenos là T24 R5, cho phép thực hiện 1.000 giao dịch ngân hàng/giây, hỗ trợ thực hiện giao dịch qua hệ thống 24h/ngày.
- 10** HSBC chính thức trở thành đối tác chiến lược của Techcombank với việc Techcombank bán 10% cổ phần cho HSBC với tổng giá trị 17,3 triệu USD.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2005 đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình phát triển của Techcombank. Cùng với việc góp vốn mua cổ phần của The Hong Kong and Shanghai Banking (HSBC), Techcombank trở thành 1 trong 3 ngân hàng thương mại cổ phần có vốn điều lệ lớn nhất và là ngân hàng có tỷ lệ cổ tức cao nhất ở Việt Nam.

Năm 2005, năm đầu tiên thực hiện "chiến lược phát triển mới giai đoạn 2005-2010", Techcombank đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông năm 2005 đề ra. Giờ đây Techcombank đã được biết đến như một ngân hàng có thế mạnh về công nghệ với các sản phẩm dịch vụ tiên tiến, hiện đại; với các định hướng chiến lược phát triển rõ ràng và với đội ngũ cán bộ nhân viên đầy nhiệt huyết, sáng tạo.

Thành công của năm 2005, năm "bản lề" cho kế hoạch phát triển 15 năm của Techcombank là kết tinh của nhiều yếu tố: Sự chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị, sự tin tưởng của cổ đông, sự ủng hộ của khách hàng cùng với sự tận tâm của ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên. Điều đó sẽ là các nhân tố tạo cho chúng ta niềm lạc quan để vững bước trên con đường hội nhập và phát triển.

Trong năm 2006 Techcombank tiếp tục thực hiện các kế hoạch đã đề ra trong Chiến lược phát triển mới, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, thử thách xây dựng Techcombank là một ngân hàng "mạnh, sạch, chuyên nghiệp".

Hãy đoàn kết và chung sức vì Techcombank! Tôi tin tưởng rằng với quyết tâm cao độ, Techcombank sẽ tiếp tục đạt được nhiều thành công hơn nữa, góp phần vào phát triển chung của đất nước.

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Nguyễn Thị Nga

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2005 là năm đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Techcombank trên mọi mặt hoạt động: vốn điều lệ, lợi nhuận, quản trị rủi ro, công nghệ, phát triển mạng lưới và sản phẩm.

Với số vốn điều lệ đạt 617 tỷ đồng và tổng tài sản 10.666 tỷ đồng, Techcombank đứng trong nhóm 5 ngân hàng TMCP có quy mô lớn nhất. Techcombank cũng là ngân hàng hoạt động thành công trong năm 2005 với mức lợi nhuận sau dự phòng, trước thuế tăng 170% so với năm 2004, đạt 286 tỷ đồng. Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 45,19%. Số điểm giao dịch mở mới của Techcombank cũng đạt kỷ lục là 20 điểm, nâng tổng số điểm giao dịch trên toàn hệ thống của Techcombank lên gần 50 điểm, trải rộng trên 12 tỉnh, thành của cả nước, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng cũng như phù hợp với chiến lược phát triển ngân hàng bán lẻ của Techcombank.

Trong năm 2005, hệ thống quản trị rủi ro tín dụng tiếp tục được Techcombank xây dựng và thực hiện nhất quán trong toàn hệ thống. Các công tác phân loại và đánh giá khách hàng, phân loại khoản vay, hệ thống phê duyệt và kiểm soát tín dụng được Techcombank đặc biệt chú trọng, tỷ lệ nợ quá hạn trong tổng dư nợ của Techcombank tính đến thời điểm 31/12/2005 đạt 2,92 % tổng dư nợ.

Duy trì vị thế dẫn đầu về mặt công nghệ, năm 2005, Techcombank đã nâng cấp phần mềm corebanking lên phiên bản mới nhất T24 R5 của nhà cung cấp Temenos Holding (Thụy Sỹ), hỗ trợ thực hiện giao dịch trong ngày 24/24. Phần mềm Chuyển mạch và Quản lý thẻ của Compass Plus cũng được chính thức triển khai, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát hành, quản lý và thanh toán thẻ của Techcombank.

Trên nền công nghệ hiện đại, Techcombank đã ra mắt các sản phẩm tiện ích và hiện đại cho các khách hàng doanh nghiệp cũng như các khách hàng cá nhân. Tiêu biểu phải kể đến sản phẩm phòng ngừa rủi ro giá cả và rủi ro hối đoái dành cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu (Quyền chọn Ngoại tệ - VND và Hợp đồng tương lai hàng hoá phát triển cho sản phẩm cao su và đậu tương), sản phẩm tín dụng trọn gói Gia đình Trẻ cho các khách hàng cá nhân. Các sản phẩm khác cũng tiếp tục phát huy thế mạnh và tăng trưởng khá. Trước những thách thức to lớn đang đặt ra như hòa nhập kinh tế quốc tế, môi trường cạnh tranh và tự do hóa, thị trường lao động ngày càng cạnh tranh,... Techcombank cần phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa một môi trường quản trị minh bạch, một văn hóa kinh doanh tri thức và thân thiện, một chiến lược rõ ràng và tập trung,... nhằm thu hút và giữ được những người lao động có chất lượng cao gắn bó với sự phát triển của Ngân hàng. Đây là một trong các yếu tố thành công cơ bản.

Trên đà phát triển mạnh mẽ của năm 2005, Ban Tổng Giám đốc tin rằng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên và sự tin tưởng, ủng hộ của các cổ đông, năm 2006 sẽ tiếp tục là một năm thành công của Techcombank.

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Vinh

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2005

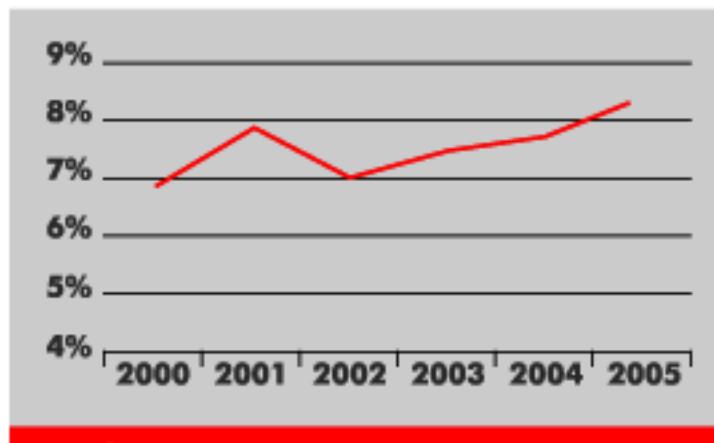
Năm 2005 là năm Việt Nam đạt mức tăng GDP cao nhất trong vòng 8 năm qua, với mức tăng trưởng 8,4%, xếp thứ 2 ở khu vực Châu Á, chỉ sau Trung Quốc. Xuất khẩu cũng tăng trưởng mạnh, đạt 32,2 tỷ đô la, tăng 21,6% so với năm 2004.

Tất cả các khu vực kinh tế đều tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn so với năm ngoái. Riêng sản lượng công nghiệp tăng 17,2%, tốc độ cao nhất trong 5 năm qua. Ngành dịch vụ (chiếm 38,1% GDP) đã cải thiện đáng kể so với năm ngoái, tăng 8,5% (7,3% trong năm 2004). Ngành dịch vụ tài chính cũng tăng trưởng rất nhanh mặc dù lãi suất vẫn tiếp tục tăng, hứa hẹn sẽ cải thiện được hiệu quả của việc sử dụng vốn. Tuy nhiên thị trường bất động sản lại giảm xuống đáng kể chỉ tăng 2,9% so với 4,35% trong năm 2004. Nông nghiệp (gồm lâm nghiệp và ngư nghiệp) tăng 4,9% (cao hơn tỷ lệ 3,5% của năm ngoái) bắt cháp tình hình hạn hán và bão lũ.

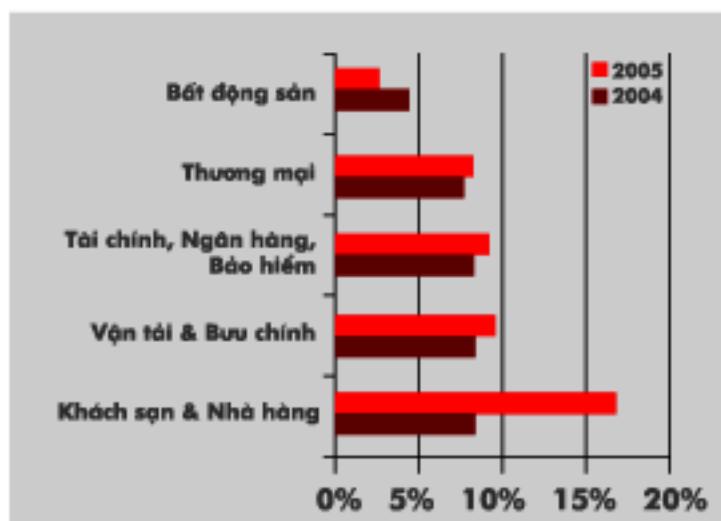
Bên cạnh các yếu tố thuận lợi như: đầu tư nước ngoài FDI tăng cao nhất trong vòng 10 năm qua (40%), nhu cầu tiêu dùng tăng trưởng mạnh mẽ, môi trường kinh tế vĩ mô vững chắc, môi trường chính trị, xã hội ổn định, nền kinh tế cũng đổi mới với nhiều khó khăn và biến động trong năm 2005. Giá cả hàng hoá tăng cao là một thách thức đáng kể của nền kinh tế, với tỷ lệ lạm phát tăng 8,4%, mức tăng cao thứ 3 trong vòng 10 năm trở lại đây. Thiên tai, dịch cúm tràn lan, giá xăng dầu và nguyên liệu đầu vào tăng là những nguyên nhân khiến giá cả hàng hoá leo thang, gây nhiều khó khăn cho sản xuất cũng như đời sống của người dân.

Năm 2005 là một năm kinh doanh phát đạt của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng cao kết hợp với các nỗ lực cải cách thị trường tài chính và các cam kết giá tăng sự tự do lưu chuyển của dòng vốn (Dự thảo Pháp lệnh ngoại hối và Nghị định Chống rửa tiền) là toàn cảnh bức tranh về thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam trong năm 2005. Với các chính sách, nghị định của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, hệ thống ngân hàng đã bước đầu mở cửa, các quy định pháp lý đã dần đáp ứng được các chuẩn mực quốc tế.

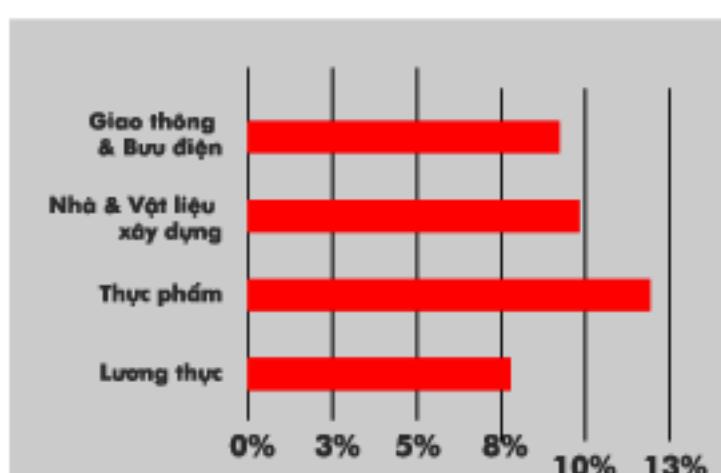
Ngân hàng là kênh huy động, cung ứng 30% vốn cho nền kinh tế và 40% nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp, tổng dư nợ tín dụng qua hệ thống ngân hàng năm 2005 chiếm 60% GDP, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn bình quân là 30%. Các ngân hàng trong nước, đặc biệt là các ngân hàng cổ phần, bên cạnh việc đầu tư về mặt công nghệ, nhân sự, đa dạng hóa sản phẩm cũng đã tích cực tăng vốn và tìm kiếm đối tác nước ngoài có uy tín để nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, chuẩn bị cho quá trình hội nhập.



Tỷ lệ tăng trưởng GDP 2000–2005
2000-2005 GDP Growth Rate



Tỷ lệ tăng trưởng của các ngành dịch vụ
Growth rate of service industries



Nhóm tăng giá nhanh nhất
Group of fastest price growth rate

TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2005

Trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ và tình hình cạnh tranh gay gắt từ các ngân hàng khác, Techcombank đã có một năm thành công với các kết quả kinh doanh rất ấn tượng. Sau bốn lần tăng, vốn điều lệ của Ngân hàng đã đạt 617 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 10.666 tỷ đồng. Techcombank vươn lên đứng vào nhóm năm ngân hàng cổ phần có quy mô về vốn và tổng tài sản lớn nhất. Ngân hàng cũng khẳng định vị trí hàng đầu của mình về tăng trưởng, lợi nhuận, công nghệ và phát triển mạng lưới.

Những chỉ tiêu tài chính chủ yếu trong năm 2005

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chi tiêu	2003	2004	2005
Tổng doanh thu	386,23	494,465	905,47
Tổng tài sản	5.510,43	7.667,46	10.666,1
Vốn điều lệ	180,00	412,70	617,66
Lợi nhuận trước thuế và dự phòng rủi ro	90,07	130,32	277,86
Lợi nhuận trước thuế, sau dự phòng rủi ro	42,17	107,01	286,06
Lợi nhuận sau thuế	29,34	76,13	206,15
Tỷ lệ lợi nhuận thuần/Tài sản có (ROA)	1,64	1,70	2,60
ROE (%)	15,52	31,71	45,19

Tổng nguồn vốn huy động tính đến 31/12/2005 đạt 9.259 tỷ đồng, tăng trưởng 33,8% so với cuối năm 2004. Dư nợ tín dụng đạt 5.380 tỷ đồng, tăng 55% so với cuối năm 2004. Chất lượng tín dụng của Techcombank được duy trì và kiểm soát chặt chẽ, lượng dự phòng rủi ro tín dụng cũng được kiểm soát thường xuyên, đảm bảo an toàn cho hoạt động của ngân hàng. Với sự trợ giúp của công nghệ, năng suất lao động trong năm 2005 được cải thiện, quy trình cung ứng các sản phẩm mới được triển khai và hoàn thiện, các cân đối lớn của ngân hàng như huy động - cho vay, cơ cấu dư nợ ngắn - trung - dài hạn được quản lý tốt hơn.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG CÁ NHÂN

Theo định hướng chiến lược, trong năm 2005, phân đoạn thị trường khách hàng cá nhân tiếp tục được chú trọng. Nhờ những nỗ lực trong việc mở rộng mạng lưới, cải tiến quy trình nghiệp vụ, chuyên nghiệp hóa đội ngũ chuyên viên khách hàng cũng như việc liên tục hoàn thiện và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ bán lẻ, hoạt động ngân hàng cá nhân của Techcombank trong năm 2005 đã có sự khởi sắc so với năm 2004. Khách hàng được hưởng những sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại, ngày càng đa dạng, nhiều ưu đãi và giá trị gia tăng hơn.

1. HUY ĐỘNG VỐN

Công tác huy động vốn từ khu vực dân cư năm 2005 tăng trưởng mạnh, đạt 3.891,55 tỷ đồng, tăng 82,76% so với năm 2004, chiếm 42,03% trong cơ cấu huy động của Ngân hàng.

Năm 2005 là năm "chạy đua lãi suất" giữa các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng TMCP. Tình hình cạnh tranh, thu hút khách hàng tiết kiệm cũng diễn ra gay gắt thông qua các chương trình khuyến mại, tặng quà của các ngân hàng. Những kết quả khả quan trong công tác huy động vốn nói trên là nhờ vào chính sách lãi suất linh hoạt cũng như hoạt động định hướng khách hàng của Techcombank. Có thể nói Techcombank đã giữ được mức lãi suất tương đối cạnh tranh so với thị trường, các sản phẩm đã đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và tiếp tục phát huy thế mạnh như Tiết kiệm điện tử, Tiết kiệm Phát Lộc, F@siSaving, huy động vàng và VND được đảm bảo theo giá trị vàng. Đặc biệt cuối năm 2005 Techcombank đã triển khai chương trình tặng quà khách hàng tiết kiệm với những phần quà giá trị dành cho các khách hàng mới cũng như các khách hàng lâu năm và nhận được những phản hồi rất tích cực từ phía khách hàng.

Đơn vị tính: tỷ đồng



Tăng trưởng huy động vốn từ khu vực dân cư
Deposit growth from individuals



Cơ cấu huy động vốn
Deposit structure

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG CÁ NHÂN

2. TÍN DỤNG BÁN LẺ

Tiếp tục phát huy thế mạnh của các sản phẩm cho vay tiêu dùng, trong năm 2005, Techcombank đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và đạt được những kết quả khá ấn tượng đối với các sản phẩm trên. Tổng dư nợ tín dụng từ khu vực khách hàng cá nhân đạt 1.560,9 tỷ đồng, tăng 66% so với năm 2004, chiếm 29% tổng dư nợ tín dụng. Để có thể tăng nhanh dư nợ bán lẻ Techcombank đã nghiên cứu và cải tiến quy trình cho vay của các sản phẩm như Ô tô xịn, Nhà mới,... đồng thời phát triển thêm các sản phẩm tín dụng cá nhân mới, trong đó có sản phẩm tín dụng trọn gói Gia Đình Trẻ hướng đến các cặp vợ chồng trẻ đang có nhu cầu tài chính để tạo dựng ngay cuộc sống tiện nghi. Sản phẩm đánh dấu một bước quan trọng trong công tác đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của từng phân đoạn

Đơn vị tính: tỷ đồng



thị trường. Các sản phẩm tín dụng bán lẻ khác như cho vay Du học, Hỗ trợ kinh doanh cá thể vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá.

3. CÁC SẢN PHẨM MỚI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Techcombank hiện đang phục vụ hàng trăm ngàn khách hàng cá nhân. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, việc không ngừng cải tiến quy trình cung cấp sản phẩm dịch vụ cũng như đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ đóng vai trò quyết định khả năng cạnh tranh của ngân hàng trên thị trường.

Trong năm 2005, bên cạnh việc khai thác thế mạnh của các sản phẩm mũi nhọn như cho vay tiêu dùng và các sản phẩm tiết kiệm, Techcombank cũng nghiên cứu để từng bước đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ của các sản phẩm này, giảm thiểu các giấy tờ không cần thiết nhằm tiết kiệm thời gian cho khách hàng.

Đặc biệt, sản phẩm mới tín dụng trọn gói Gia Đình Trẻ hỗ trợ các cặp vợ chồng trẻ tạo dựng cuộc sống tiện nghi đã nhận được sự quan tâm đặc biệt từ phía khách hàng cũng như các phương tiện truyền thông.

Giữa năm 2005, ban Phát triển Sản phẩm Bán lẻ được thành lập với chức năng khảo sát, nghiên cứu để phát triển và triển khai các sản phẩm dịch vụ mới; cải tiến các sản phẩm dịch vụ đang có cũng như đánh giá xác định hiệu quả của các sản phẩm dịch vụ mới. Với sự ra đời của Ban Phát triển Sản phẩm Bán lẻ, trong năm 2006 khách hàng cá nhân chắc chắn sẽ có thêm nhiều lựa chọn hơn khi đến với Techcombank.

4. CÔNG TÁC PHÁT HÀNH VÀ TRIỂN KHAI HỆ THỐNG THANH TOÁN THẺ

Năm 2005 là năm bứt phá của Techcombank trong công tác phát hành và thanh toán thẻ trong điều kiện cạnh tranh khá gay gắt trên thị trường thẻ hiện nay. Gia nhập thị trường thẻ từ cuối năm 2003, cho đến nay, sản phẩm thẻ F@stAccess của Techcombank vẫn được khách hàng đánh giá là một trong những thẻ thanh toán tiện ích nhất trên thị trường.

Tính riêng trong năm 2005, số thẻ F@stAccess được Techcombank phát hành là 32.000 thẻ, nâng số thẻ phát hành luỹ kế tính đến ngày 31.12.2005 lên trên 50.566 thẻ. Số dư trong tài khoản thẻ đạt hơn 200 tỷ đồng, số giao dịch thực hiện qua thẻ đạt 543.012 giao dịch, với doanh số là 611,9 tỷ đồng tăng 320% so

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG CÁ NHÂN

với năm 2004. Các tiện ích và tính năng hiện đại của thẻ tiếp tục được khách hàng đón nhận và đánh giá cao. Chất lượng dịch vụ khách hàng cũng được đặc biệt coi trọng, thời gian chờ đợi cấp thẻ của khách hàng giảm xuống chỉ còn 2-3 ngày, các thắc mắc của khách hàng qua đường dây nóng 04.9427444 hoặc email techcard@techcombank.com.vn được phản hồi ngay trong ngày. Việc nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng sử dụng thẻ cũng liên tục được thực hiện và đóng góp đáng kể vào việc cải tiến dịch vụ thẻ tại Techcombank. Đáng chú ý là chương trình Ưu đãi khách hàng thẻ F@stAccess, qua đó, các khách hàng dùng thẻ F@stAccess sẽ được hưởng các ưu đãi giảm giá khi mua sắm tại hơn 1000 đơn vị chấp nhận thẻ của Techcombank.

Mạng lưới ATM và POS cũng được chú trọng phát triển để đem lại sự tiện lợi tối đa cho khách hàng. Tính đến ngày 31.12.2005, Techcombank đã triển khai lắp đặt được 39 máy ATM, mạng lưới điểm chấp nhận thanh toán thẻ POS đạt 1.378 máy thanh toán thẻ POS. Trong năm 2005 thẻ F@stAccess đã được bình chọn là sản phẩm Sao Vàng Đất Việt năm 2005 như một sự công nhận của người tiêu dùng về chất lượng và thương hiệu sản phẩm.

Song song với việc đẩy mạnh phát hành thẻ và mở rộng mạng lưới, việc xây dựng mô hình quản lý thẻ hiệu quả và hiện đại cũng được Ngân hàng tích cực triển khai. Tháng 9/2005, Techcombank đã chính thức triển khai phần mềm chuyển mạch và quản lý thẻ của hãng Compass Plus, tạo điều kiện nâng cao chất lượng phát hành và thanh toán thẻ đồng thời mở đường cho Techcombank chủ động phát triển thêm các dòng thẻ mới. Cuối năm 2005, với sự trợ giúp của công nghệ hiện đại và đặc biệt là tâm huyết của cán bộ nhân viên Trung tâm Thẻ và các đơn vị liên quan, thẻ F@stAccess-i, một loại thẻ ghi nợ nội địa phát hành nhanh đã được Techcombank nghiên cứu triển khai thành công, chuẩn bị ra mắt khách hàng vào đầu năm 2006, là cột mốc quan trọng trong việc đa dạng hóa các sản phẩm thẻ của Techcombank.

Trong năm 2006 sản phẩm thẻ sẽ tiếp tục là sản phẩm trung tâm, tạo động lực cho việc phát triển các dịch vụ bán lẻ. Dự kiến năm 2006 Techcombank sẽ nâng số POS lên 3.500 điểm, đầu tư lắp đặt để đạt luỹ kế 150 máy ATM và số thẻ phát hành dự kiến sẽ đạt 160.000 thẻ. Techcombank cũng sẽ ưu tiên phát triển thêm các sản phẩm mới liên quan đến thẻ và đẩy mạnh liên kết marketing với các doanh nghiệp trong nước đồng thời mở rộng liên kết với các tổ chức thẻ quốc tế.

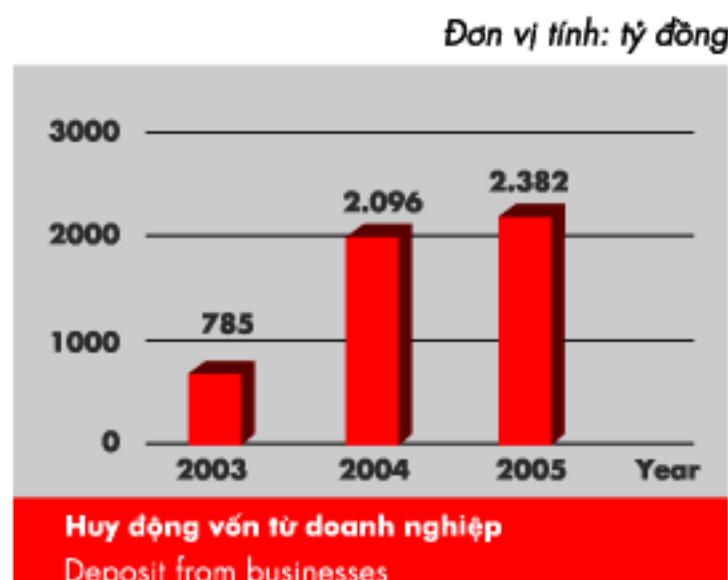


DỊCH VỤ NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP

1. HUY ĐỘNG VỐN TỪ DOANH NGHIỆP

Hoạt động huy động vốn từ doanh nghiệp giữ vững mức tăng trưởng ổn định trong năm 2005. Tổng số vốn huy động từ các tổ chức kinh tế cả năm đạt 2.382 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 25,53% trong tổng cơ cấu huy động vốn, tăng 13,64% so với năm 2004.

Biểu đồ thể hiện mức độ tăng trưởng tín dụng doanh nghiệp

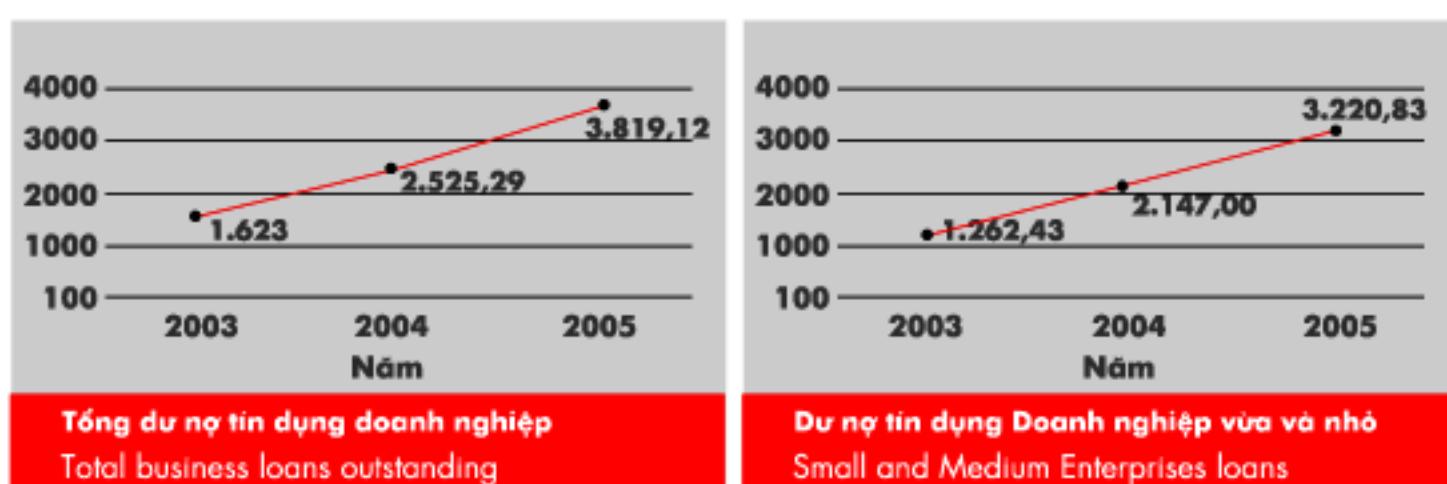


2. TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP

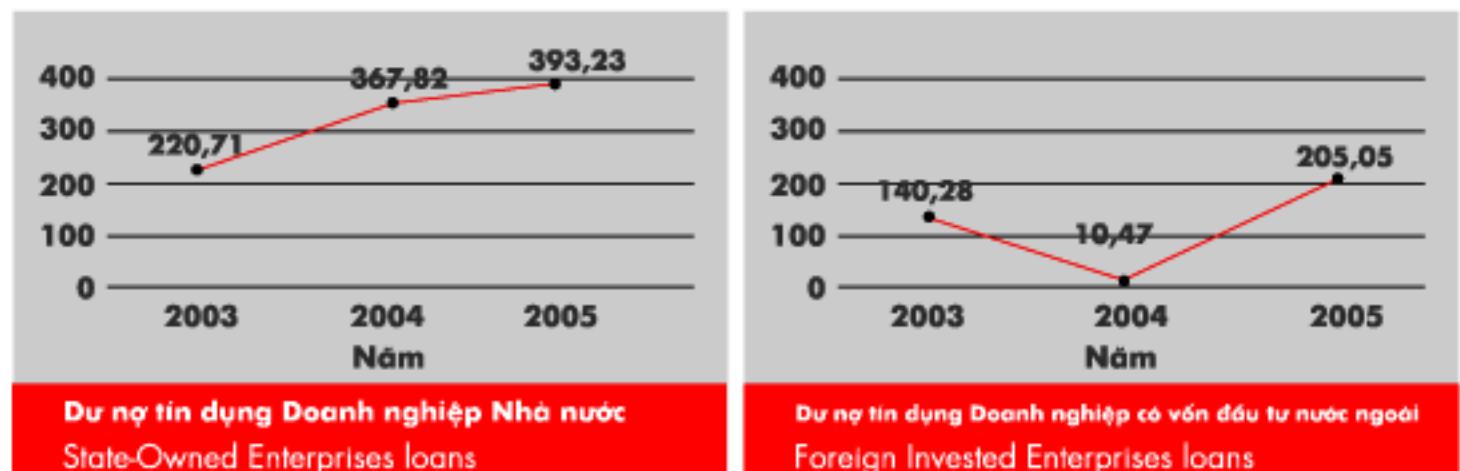
Trong năm 2005, dư nợ tín dụng của toàn ngân hàng tăng 55%, trong đó dư nợ tín dụng tại khu vực khách hàng doanh nghiệp tăng 51% (3.819,12 tỷ VND cuối năm 2005 so với 2.525,29 tỷ cuối năm 2004). Đối tượng cho vay vẫn tập trung chủ yếu ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa (59%), tuy nhiên tỷ lệ này đã giảm so với năm 2004 (62%). Các doanh nghiệp thương mại chiếm đa số trong cơ cấu cho vay của Techcombank.

Năm	2003	2004	2005
Tổng dư nợ tín dụng doanh nghiệp	1.623	2.525,29	3.819,12
Trong đó:			
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	1.262,43	2.147,00	3.220,83
Doanh nghiệp Nhà nước	220,71	367,82	393,23
Doanh nghiệp có vốn nước ngoài	140,28	10,47	205,05

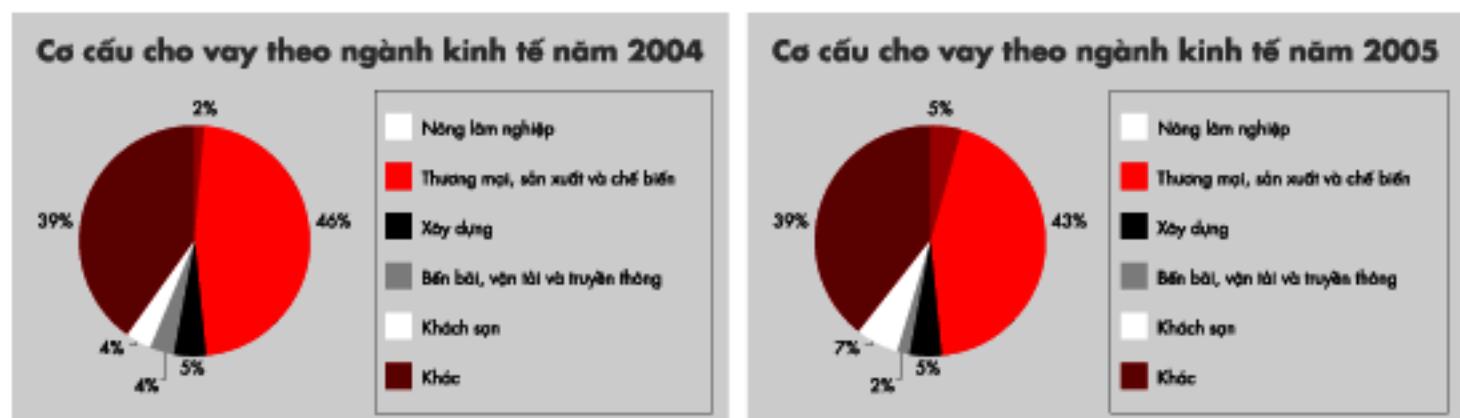
Biểu đồ thể hiện mức tăng trưởng vốn huy động doanh nghiệp và tổ chức kinh tế



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP



Biểu đồ cơ cấu cho vay theo ngành nghề



Năm 2005 cũng ghi nhận những nỗ lực đáng kể của Techcombank trong công tác cải tiến quy trình cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp. Đặc biệt, dự án Quản trị quan hệ khách hàng (CRM) đã hoàn thành tốt đẹp. Những kết quả của dự án bước đầu được phân tích để đưa ra các điểm đổi mới (Innovation Points), nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt là các khách hàng đem lại

nhiều giá trị cho Ngân hàng. Từ đó, tạo cơ sở duy trì mối quan hệ lâu dài của khách hàng với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu, phân tích các ngành kinh tế cũng được tiến hành thường xuyên và định kỳ, nhằm phát hiện và tận dụng xu hướng tăng trưởng và các ngành nghề tiềm năng, phục vụ hoạt động hiệu quả của Ngân hàng.

3. DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ VÀ DỊCH VỤ PHI TÍN DỤNG KHÁC

Trong năm 2005, doanh số thanh toán quốc tế quy đổi ngoại tệ đạt 1.014 triệu USD, tăng 94,25% so với năm 2004, nhờ đó doanh thu thanh toán quốc tế đã vượt kế hoạch, đạt 40 tỷ đồng, tăng 43% so với năm 2004. Với kết quả này, Techcombank trở thành một trong các ngân hàng TMCP có thị phần cao nhất về thanh toán quốc tế. Chất lượng thanh toán quốc tế ổn

định với tỷ lệ điện chuẩn đạt mức 99,1%. Ngoài ra, Techcombank cũng được khách hàng công nhận là ngân hàng đạt hiệu quả cao trong thanh toán quốc tế cũng như tài trợ thương mại. Trong điều kiện các ngân hàng đang cạnh tranh gay gắt về phí, dịch vụ của Techcombank vẫn được khách hàng chấp nhận và đánh giá cao.

Doanh số thanh toán quốc tế

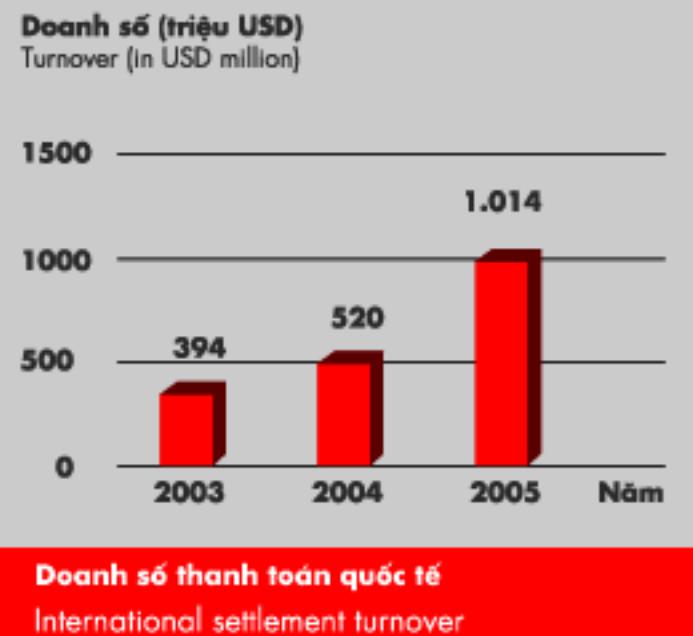
Năm	2003	2004	2005
Doanh số (triệu USD)	394	520	1.014

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP

Bên cạnh những sản phẩm truyền thống thư tín dụng chứng từ, trong năm 2005 Techcombank đã giới thiệu nhiều sản phẩm mới như nhờ thu séc, phát hành séc quốc tế tại chỗ và phát hành séc quốc tế từ xa. Ngay cả trong các sản phẩm cơ bản như chuyển tiền, ngân hàng cũng đẩy mạnh hợp tác với các ngân hàng hàng đầu trên thế giới và đã giới thiệu sản phẩm chuyển tiền đa ngoại tệ, cho phép khách hàng chuyển tiền bằng hàng trăm loại ngoại tệ trên thế giới.

Techcombank cũng là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam thực hiện thành công tập trung hóa giao dịch thanh toán quốc tế, mang lại cho Ngân hàng lợi thế cạnh tranh rõ rệt trong công tác cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế với chất lượng và hiệu quả cao hơn các ngân hàng khác.

Dự kiến trong năm 2006, Techcombank sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán quốc tế trên toàn hệ thống, phấn đấu đạt được chuẩn mực quốc tế để nâng cao uy tín của ngân hàng và tạo điều kiện để có bước tăng trưởng mạnh trong thanh toán quốc tế, đồng



thời tiếp tục mở rộng tiếp thị quan hệ ngân hàng quốc tế, mở rộng hệ thống đại lý thanh toán có chọn lọc đồng bộ với hợp tác toàn diện với các Ngân hàng nước ngoài có chiến lược và tiềm năng phù hợp. Các dịch vụ phi tín dụng cũng đóng góp 89,17 tỷ đồng vào tổng doanh thu của Techcombank, tăng 78,34% so với năm 2004, trong đó doanh thu từ kinh doanh ngoại tệ đạt 5,45 tỷ đồng.

4. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Năm 2005 đã ghi nhận những nỗ lực của Techcombank trong việc phát triển các sản phẩm/dịch vụ mới cho các khách hàng doanh nghiệp, tiêu biểu là hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm Bao thanh toán dành cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Đây là một sản phẩm quen thuộc tại các nước châu Âu, nhưng tại Việt Nam vẫn còn khá mới mẻ.

Techcombank là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam gia nhập Hiệp hội bao thanh toán quốc tế FCI và nghiên cứu phát triển sản phẩm này.

Dự kiến trong năm 2006, sản phẩm sẽ được chính thức ra mắt cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Để hỗ trợ, tạo điều kiện để hoạt động phát triển sản phẩm doanh nghiệp được tập trung và bám sát hơn nhu cầu thực tế của các khách hàng doanh nghiệp, Ban phát triển sản phẩm doanh nghiệp được cơ cấu lại nằm dưới sự điều hành của Khối quản lý khách hàng doanh nghiệp.

HOẠT ĐỘNG LIÊN NGÂN HÀNG



Về hoạt động tiền gửi liên ngân hàng, Techcombank là một trong những ngân hàng hoạt động tích cực trên thị trường này. Tính đến thời điểm 31/12/2005, số dư tiền gửi của Techcombank tại các tổ chức tín dụng là 2.950,69 tỷ đồng trong đó có 326,11 tỷ gửi tại Ngân hàng Nhà Nước, 2.632,58 tỷ gửi tại các ngân hàng khác. Khoản tiền gửi có kỳ hạn đạt 2.541,24 tỷ đồng. Tiền gửi và tiền vay của Techcombank từ các tổ chức tín dụng đạt 2.903,9 tỷ đồng, tăng 543,55 tỷ so với năm 2004.

Năm 2005, Techcombank cũng là một ngân hàng năng động trên thị trường kinh doanh

ngoại tệ. Ngân hàng đã trở thành một trong hai ngân hàng đầu tiên được phép cung cấp sản phẩm Quyền chọn Ngoại tệ - VND cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong nước. Sau khi triển khai thành công Hợp đồng hàng hoá tương lai cho cà phê, sản phẩm này tiếp tục được phát triển thêm cho cao su và đậu tương, tổng giá trị các hợp đồng mua và bán hàng hoá tương lai đạt 329,48 tỷ đồng được khách hàng đánh giá cao.

Trên thị trường kinh doanh chứng từ có giá, tổng giá trị đầu tư các chứng từ có giá năm 2005 của Techcombank đạt 1.942,62 tỷ đồng, tăng 168% so với năm 2004.

HỢP TÁC QUỐC TẾ

Bên cạnh việc đưa ra nhiều sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng các nhu cầu đa dạng và phong phú của khách hàng, Techcombank cũng nỗ lực mở rộng các quan hệ hợp tác với các định chế tài chính trong khu vực cũng như trên thế giới nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng cũng như chuẩn bị cho tiến trình hội nhập.

Quan hệ với các định chế tài chính đa phương cũng phát triển tốt đẹp. Sau những thành công trong các chương trình TFFP hợp tác với ADB về tài trợ xuất nhập khẩu, RDF2 với Ngân hàng Thế giới về phát triển nông thôn, trong năm 2005 Techcombank cũng đã được dự án SMDF - Quỹ Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ do Chính phủ Việt Nam và Cộng đồng châu Âu tài trợ lựa chọn là một trong 4 ngân hàng Việt Nam làm trung gian cho vay có kỳ hạn đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tổng giá trị tín dụng cấp cho các ngân hàng trong suốt thời gian hoạt động của dự án lên tới 320 tỷ VND. Trong dự án khác mang tên Chương trình tiết kiệm năng lượng thương mại (CEEP) của Ngân hàng thế giới (World Bank) Techcombank được lựa chọn là nhà tư vấn để thẩm định hiệu quả các dự án tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam.

Đối với hoạt động dịch vụ ngân hàng đại lý, hệ thống đại lý của Techcombank trong năm 2005 vẫn tiếp tục được mở rộng, đưa Ngân hàng trở thành một trong những ngân hàng cổ phần Việt Nam được khách hàng nước ngoài chấp nhận nhiều nhất ngay cả tại các thị trường khó tính như Nhật Bản hoặc Tây Âu. Hiện tại, Techcombank đang trong quá trình trao đổi với nhiều ngân hàng nước ngoài để thiết lập hoặc

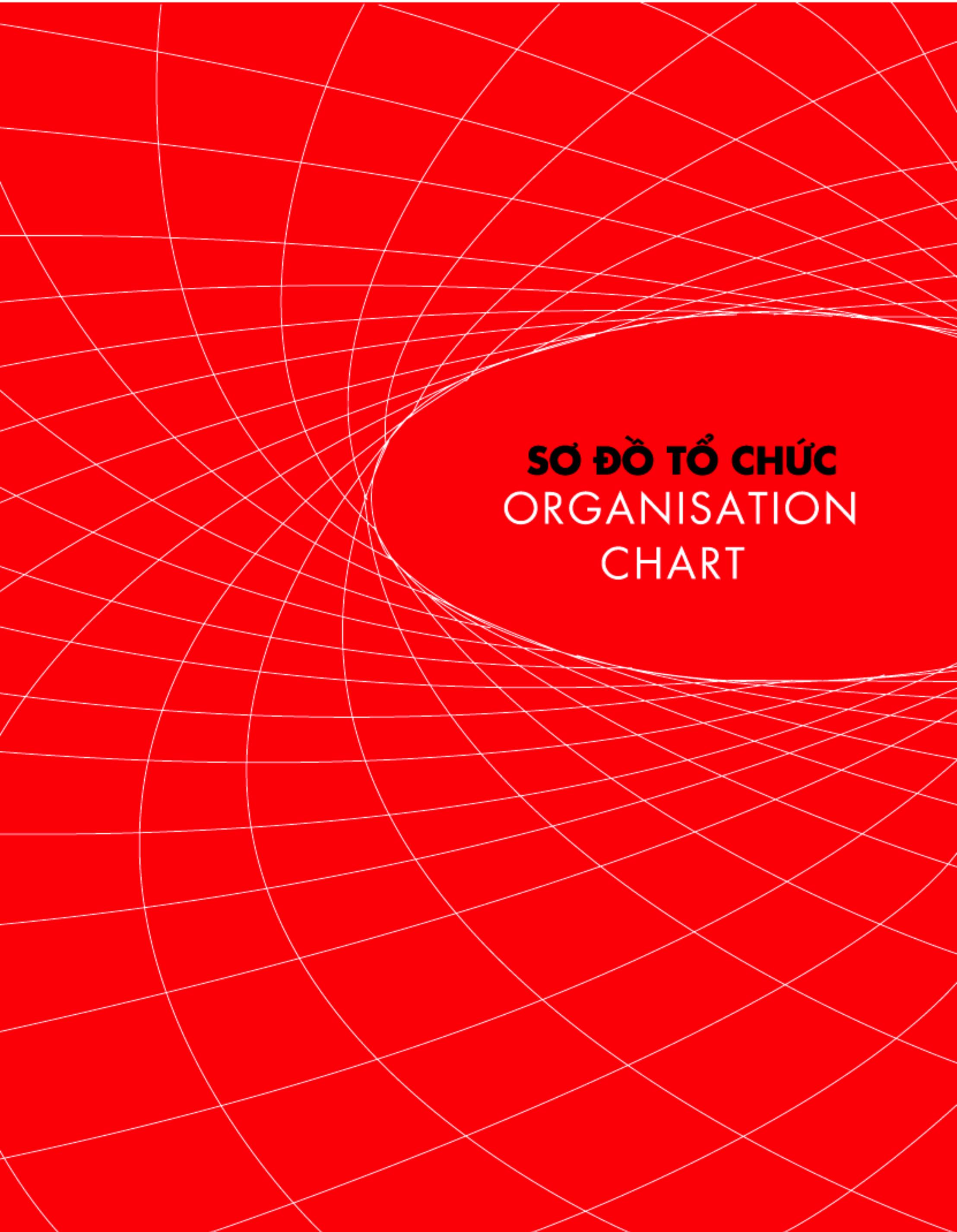
tiếp tục nâng hạn mức xác nhận L/C và hạn mức FX và các khoản tài trợ thương mại khác theo mô hình TFFP của ADB... Nhiều ngân hàng hàng đầu trên thế giới cũng đang có những bước tiếp cận và tăng cường quan hệ với Techcombank.

Việc hợp tác với các ngân hàng đại lý nhằm phát triển những lĩnh vực kinh doanh mới cũng được đẩy mạnh. Tháng 8 năm 2005, Techcombank đã ký kết thoả thuận hợp tác với Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải (HSBC) nhằm cung cấp cho khách hàng của HSBC một số dịch vụ liên quan đến quản lý tiền mặt. Một thoả thuận khác với ngân hàng Ngoại thương Trung Quốc (BOC) cũng đã được Techcombank ký kết với nội dung hợp tác nghiên cứu, xây dựng quy trình, mẫu biểu, đào tạo cán bộ để chuẩn bị triển khai hợp tác trong nghiệp vụ thanh toán biên mậu bằng Đồng Việt Nam và Nhân dân tệ vào quý I năm 2006, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại khu vực biên giới Việt - Trung.

Năm 2005 cũng đánh dấu bước đi mạnh mẽ của Ngân hàng với sự kiện ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược với Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải (HSBC), theo đó HSBC sẽ mua lại 10% cổ phần của Techcombank với tổng trị giá 17,3 triệu USD. Hợp tác chiến lược này một mặt tăng cường tiềm lực tài chính và uy tín của Techcombank trên thị trường trong nước và quốc tế đồng thời sẽ cho phép Techcombank tận dụng được chuyển giao công nghệ và mạng lưới "tổng cầ" của HSBC trong tương lai.



Sáng tạo giá trị,



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
ORGANISATION
CHART

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BOARD OF DIRECTORS



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BOARD OF DIRECTORS

Từ trái qua phải (From left to right)

Hàng sau (Back row): Ông (Mr.) Hoàng Văn Đạo, Ủy viên (Member); Ông (Mr.) Hồ Hùng Anh, Phó chủ tịch (Vice Chairman); Ông (Mr.) Nguyễn Thiều Quang, Phó chủ tịch (Vice Chairman)

Hàng trước (Front row): Ông (Mr.) Trần Đức Lưu, Ủy viên (Member); Bà (Ms.) Nguyễn Thị Nga, Chủ tịch (Chairwoman); Ông (Mr.) Nguyễn Đăng Quang, Phó chủ tịch thứ nhất (First Vice Chairman)

Bà Nguyễn Thị Nga

Sinh năm 1955 tại Hà Nội, bà Nga là cổ đông của Techcombank từ năm 2000. Năm 2002 bà Nga được bầu vào Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Phó Chủ tịch. Từ năm 2003 đến 2005 bà Nga là Phó Chủ tịch thứ nhất và từ 2005 bà được bầu làm Chủ tịch HDQT Techcombank. Hiện nay bà Nga là Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thung Lũng Vua.

Born in 1955 in Hanoi, Mrs. Nguyen Thi Nga has been a shareholder at Techcombank since 2000. Mrs. Nga was elected to the Board of Directors in 2002 as Vice Chairwoman. She was the First Vice Chairwoman from 2003 to 2005, and has been elected as Chairwoman since May 2005. Mrs. Nga is currently Chairwoman and CEO of Kings Valley Corporation Ltd. (Kings Island International Golf Course, Dong Mo, Son Tay, Ha Tay Province).

Ông Nguyễn Thiều Quang

Sinh năm 1959 tại Hà Tĩnh, ông Nguyễn Thiều Quang là cổ đông của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam từ năm 1993. Từ năm 1999 ông Quang được bầu vào HDQT, giữ chức vụ Ủy viên thường trực. Nhiệm kỳ 2000-2003 ông Quang tiếp tục được bầu vào HDQT. Nhiệm kỳ 2003-2006 ông Quang được bầu làm Phó Chủ tịch HDQT. Ông Nguyễn Thiều Quang hiện đang giữ các chức vụ: Chủ tịch HDQT Công ty La Giang; Chủ tịch HDQT Công ty Đại Mỹ; Ủy viên HDQT Công ty Kim Sơn; Ủy viên HDQT Công ty bất động sản Tagi.

Born in 1959 in Ha Tinh, Mr. Nguyen Thieu Quang has been a shareholder of Techcombank since 1993. Mr. Quang was elected to the Board of Directors as a Standing Member in 1999 and re-elected for the terms 2000-2003. In 2003, Mr. Quang was re-elected to the Board of Directors as Vice Chairman for the terms 2003-2006.

Currently, Mr. Nguyen Thieu Quang holds the following positions: Chairman, Board of Directors of La Giang Co., Ltd.; Chairman, Board of Directors of Dai My Co., Ltd.; Member of Board of Directors of Kim Son Co., Ltd.; Member of Board of Directors of Tagi Co., Ltd.

Ông Hoàng Văn Đạo

Sinh năm 1955 tại Nam Định, ông Hoàng Văn Đạo từng học chuyên ngành tại Nga và là tiến sĩ khoa học kỹ thuật. Ông Đạo là một trong những cổ đông sáng lập của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Từ năm 1996 đến tháng 1 năm 1999, ông Đạo giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Techcombank. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 1999, ông Đạo được bầu vào Hội đồng quản trị Techcombank. Nhiệm kỳ 2003- 2006, ông Đạo tiếp tục được bầu làm Ủy viên HDQT ngân hàng.

Born in 1955 in Nam Dinh, Dr. Hoang Van Dao was a co-founder of Techcombank. Dr. Dao was Deputy General Director in 1996-1999. He was elected to the Board of Directors in 1999 and re-elected for 2000-2003 and 2003-2006 terms as a Member.

Ông Nguyễn Đăng Quang

Sinh năm 1963 tại Hà Nội, ông Nguyễn Đăng Quang là cổ đông của Techcombank từ năm 1993. Từ năm 1995 đến 1998 giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Techcombank. Từ năm 1999 đến năm 2003 ông Quang được bầu vào Hội đồng quản trị, giữ chức vụ Phó Chủ tịch thứ nhất HDQT. Đến năm 2005 ông Quang tiếp tục được bầu là Phó Chủ tịch thứ nhất HDQT Techcombank. Hiện ông Quang là chủ tịch Tập đoàn MASAN.

Born in 1963 in Hanoi, Mr. Nguyen Dang Quang has been a shareholder of Techcombank since 1993. From 1995 to 1998, he was Vice President of Techcombank. From 1999 to 2003, he was elected to the Board of Directors as the First Vice Chairman and he has been elected to be the First Vice Chairman since June 2005. Mr. Quang is currently the Chairman and CEO of MASAN Group.

Ông Hồ Hùng Anh

Sinh năm 1970 tại Hà Nội, ông Hùng Anh là cổ đông của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam từ năm 1995. Tại Đại hội cổ đông thường niên 2004, ông được bầu bổ sung vào HDQT nhiệm kỳ 2003- 2006, giữ chức Ủy viên Hội đồng Quản trị. Hiện nay, ông Hùng Anh là Phó Chủ tịch tập đoàn Masan, Phó Chủ tịch HDQT công ty cổ phần đầu tư Masan, Tổng Giám đốc Masan-Rus Trading tại Cộng hòa Liên bang Nga.

Born in 1970 in Hanoi, Mr. Ho Hung Anh has been a Techcombank shareholder since 1995 and has been appointed Vice Chairman by the Board of Directors in June 2005. Mr. Hung Anh currently is Vice Chairman of Masan Group, Vice Chairman of Masan joint stock investment company, and CEO of Masan Rus Trading in Russia.

Ông Trần Đức Lưu

Ông Trần Đức Lưu

Sinh năm 1949 tại Nghệ An, ông Trần Đức Lưu là người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty Hàng không Việt Nam tại Techcombank. Ông Trần Đức Lưu được bầu vào HDQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2005. Hiện ông Lưu là ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

Born in 1949 in Nghe An, Mr. Tran Duc Luu is the representative for share-capital of Vietnam Airlines. He has been elected to the Board of Directors since June 2005.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
BOARD OF MANAGEMENT



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Mr. Nguyen Duc Vinh
President and Chief Executive Officer



Bà Nguyễn Thị Thiên Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ms. Nguyen Thi Thien Huong
Vice President of Credit



Bà Nguyễn Thị Tâm
Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh Techcombank Hồ Chí Minh

Ms. Nguyen Thi Tam
Vice President, Director of Techcombank Ho Chi Minh



Ông Lưu Đức Khanh
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 07.03.2006)

Mr. Luu Duc Khanh
Vice President of Business Development (from 07 March 2006)



Ông Nguyễn Duy Phú
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11.01.2006)

Mr. Nguyen Duy Phu
Vice President of Accounting and Internal Audit (from 11 January 2006)

BAN KIỂM SOÁT
SUPERVISORY BOARD



Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm
Trưởng ban Kiểm soát

Ms. Khuc Thi Quynh Lam
Chief of Supervisory Board



Ông Phạm Xuân Định
Kiểm soát viên chuyên trách

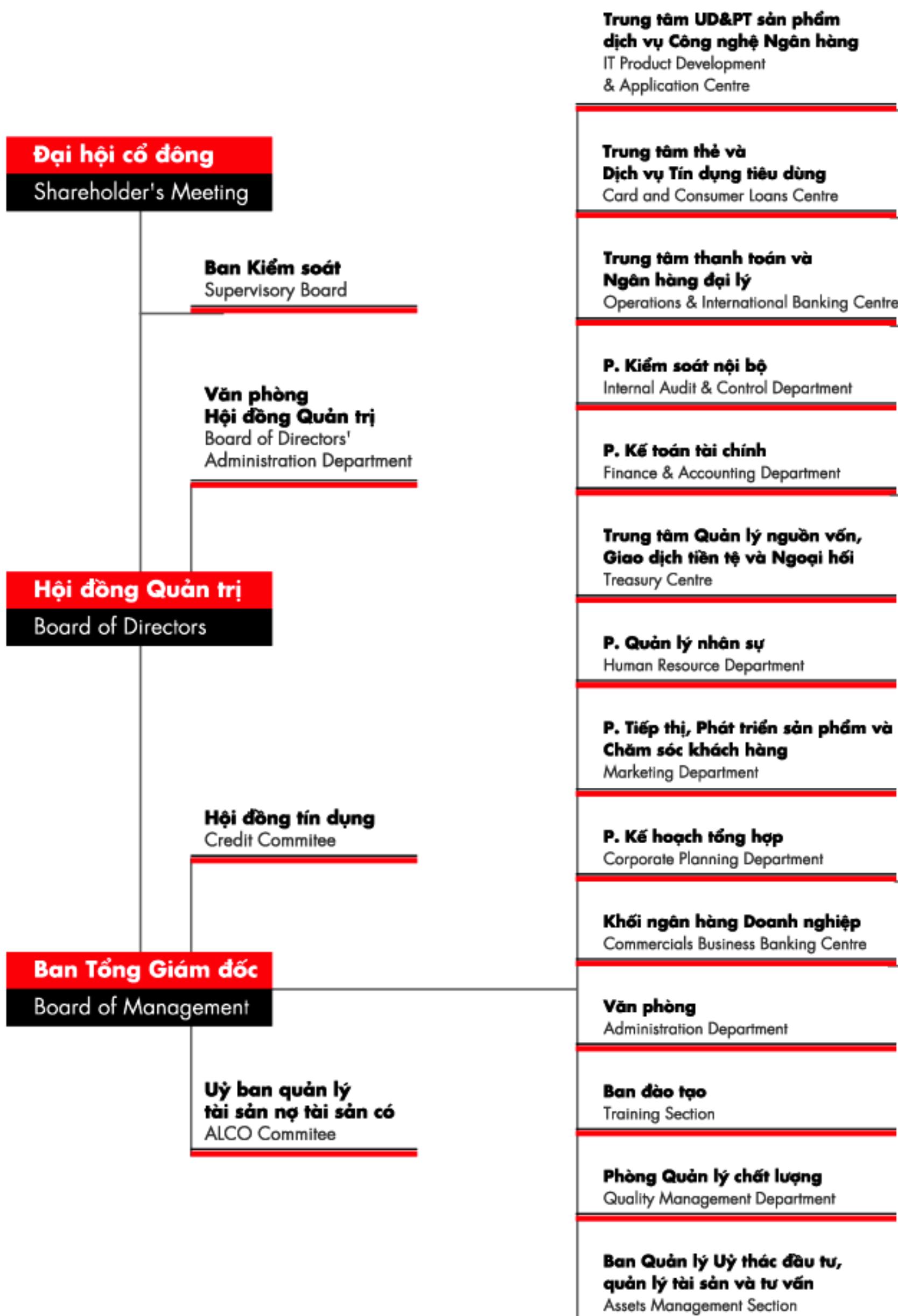
Mr. Pham Xuan Dinh
Member of Supervisory Board



Bà Nguyễn Thu Hiền
Kiểm soát viên

Ms. Nguyen Thu Hien
Member of Supervisory Board

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
ORGANISATION CHART



P. Hỗ trợ và phát triển ứng dụng
Application Support and Development Department

P. Công nghệ thẻ và điện tử
Card and e-banking Technology Department

P. Hạ tầng CN và truyền thông
Infrastructure and Communication Department

P. Vận hành
Operation Department

P. Bán và Tiếp thị
Sales and Marketing Department

P. Dịch vụ thẻ tín dụng
Credit Card Department

P. Kế toán
Accounting Department

P. Phát triển sản phẩm
Product Development Department

P. thẻ khu vực phía Nam
Southern Area Card Department

P. Thanh toán và Ngân hàng đại lý
International Settlement and Correspondent Banking Department

P. Thanh toán trong nước và KS giao dịch ngoại hối tiền tệ
Domestic Settlement & Treasury Department

Ban DV NH Quốc tế
International Banking Service Department

Ban HT&KS Giao dịch
Back Office Department

Ban Quản trị rủi ro
Risk Management Department

P. Quản lý tín dụng
Credit Management

P. chính sách và phát triển sản phẩm doanh nghiệp
Policy and Business Banking Product Development

Trung tâm kinh doanh
Business Centre

Techcombank Ba Dinh

Techcombank Chuong Duong

Techcombank Dong Do

Techcombank Hoan Kiem

Techcombank Thang Long

Techcombank Bac Ninh

Techcombank Hung Yen

Techcombank Vinh Phuc

Techcombank Hai Phong

Techcombank Lao Cai

Techcombank Da Nang

Techcombank Thanh Khe

Techcombank Nha Trang

Techcombank Cho Lon

Techcombank Ho Chi Minh

Techcombank Gia Dinh

Techcombank Tan Binh

Techcombank Vung Tau

Techcombank Big C

Techcombank Hoang Quoc Viet

Techcombank Tay Son

Techcombank Ngoc Khanh

Techcombank Hang Dau

Techcombank Noi Bai

Techcombank Dong Da

Techcombank Ha Dong

Techcombank Thanh Xuan

Techcombank Bat Dan

Techcombank Cua Nam

Techcombank Ly Thuong Kiet

Techcombank Kim Lien

Techcombank Kham Thien

Techcombank Linh Dam

Techcombank Tien Son

Techcombank Hai Duong

Techcombank Kien An

Techcombank Ngo Quyen

Techcombank To Hieu

Techcombank Cau Kieu

Techcombank Hai Chau

Techcombank Hoi An

Techcombank Hoa Khanh

Techcombank Phan Chu Trinh

Techcombank Binh Phu

Techcombank An Lac

Techcombank Ky Hoa

Techcombank Nguyen Tat Thanh

Techcombank Nguyen Van Troi

Techcombank Phu My Hung

Techcombank Phu Tho

Techcombank Tan Son Nhat

Techcombank Thu Duc

Techcombank Thang Loi

Techcombank Truong Chinh

Techcombank Tran Hung Dao

Techcombank Quang Trung

Techcombank Van Thanh

Techcombank Le Quang Dinh

Techcombank Le Van Sy

Techcombank Ba Ria

CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

Nhân sự tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng

Trong năm 2005, lượng cán bộ nhân viên của Techcombank tăng lên nhanh chóng đáp ứng yêu cầu mở rộng mạnh mẽ hoạt động kinh doanh và phát triển mạng lưới. Tính đến ngày 31/12/2005 tổng số cán bộ nhân viên (CBNV) toàn hệ thống Techcombank là 1.039 người, số CBNV bình quân trong năm 2005 là 867 người tăng so với năm 2004 là 330 CBNV.

Không chỉ chú trọng tới số lượng, chất lượng của các CBNV cũng không ngừng được nâng cao thông qua việc tuyển dụng chặt chẽ và đào tạo liên tục. Bên cạnh đó, việc hợp lý hóa Quy trình nghiệp vụ, không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, tiếp tục khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống tin học của Ngân hàng đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao năng suất lao động của CBNV.

Năm 2005 Ngân hàng đã tiến hành xem xét lại một cách cơ bản hệ thống lương vốn được thiết kế theo mô hình William Mercer từ năm 2002. Hệ thống lương cũ đã một phần lỗi thời do trong thời gian vừa qua, Hệ thống của Techcombank đã phát triển mạnh và các điều kiện đặt ra khi thiết kế hệ thống lương lần trước đã không còn đáp ứng. Hệ thống lương mới dự kiến sẽ được đưa vào áp dụng vào năm 2006 sẽ cạnh tranh hơn, đồng thời vẫn giữ được những mặt tiến bộ của hệ thống lương cũ.

Trong năm 2005, lương, thưởng của cán bộ nhân viên cũng được cải thiện đáng kể. Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên Ngân hàng là 4,66 triệu đồng/tháng (tăng đáng kể so với mức 3,93 triệu đồng/tháng năm 2004).

Công tác đào tạo

Năm 2005, đầu tư cho hoạt động đào tạo tiếp tục là một trong những hoạt động được ưu tiên hàng đầu của Techcombank, một Ban Đào tạo chuyên trách đã được thành lập để thúc đẩy hoạt động đào tạo của Ngân hàng.

Chất lượng các chương trình đào tạo không ngừng được nâng cao thông qua việc lựa chọn đặt hàng những chương trình đào tạo phù hợp do các Trung tâm đào tạo có uy tín tổ chức như: Trung tâm đào tạo ngân hàng - BTC, Trung tâm Pháp việt - CFVG, Trung tâm hợp tác quản lý nguồn nhân lực Việt Nam và Nhật Bản, Trung tâm Năng suất Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng...

Cùng với việc phối hợp với các Trung tâm đào tạo cáo uy tín bên ngoài, hoạt động đào tạo trong nội bộ Ngân hàng (do CBNV Techcombank tự tổ chức) đã được quan tâm hơn. Các khoá đào tạo trong nội bộ đã giúp CBNV nắm vững hệ thống Quy trình nghiệp vụ, cập nhật các thông tin cần thiết để phụ vụ công việc và có cơ hội để trao đổi học hỏi kinh nghiệm thực tiễn trong công việc góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất và chất lượng công việc của mỗi CBNV.

Chi tiêu	Phối hợp với các Trung tâm Techcombank đào tạo bên ngoài tổ chức	tự tổ chức
Số lượt CBNV được tham gia đào tạo trong năm (người)	501	277
Số giờ bình quân mỗi CBNV được đào tạo trong năm (h/CBNV)	26,81	8,14
Số khoá đào tạo được tổ chức trong năm (khoá)	65	7

MARKETING

Công tác nghiên cứu thị trường

Techcombank đặc biệt chú trọng đến công tác điều tra và nghiên cứu thị trường nhằm mục đích thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng. Năm 2005, ngoài việc thuê các tổ chức nghiên cứu thị trường chuyên nghiệp, ngân hàng còn tự tổ chức thành công các cuộc nghiên cứu thị trường quy mô lớn và thu được những kết quả có giá trị:

1. Nghiên cứu chuyên sâu về thị trường thẻ tại Việt Nam.
2. Tìm hiểu sự hài lòng của các khách hàng sử dụng thẻ F@stAccess.
3. Nghiên cứu khách hàng tín dụng cá nhân trên toàn hệ thống.
4. Nghiên cứu, phân tích các ngành kinh tế trọng điểm.

Đây là những dự án nghiên cứu được thực hiện trên quy mô lớn, đưa ra những kết luận mang tính chiến lược cho Ban điều hành. Ngoài ra, một số dự án nhỏ cũng được thực hiện dưới quy mô chi nhánh, trung tâm, phục vụ nhu cầu trực tiếp cho quyết định kinh doanh, tiếp cận khách hàng của các đơn vị như Nghiên cứu nhu cầu tín dụng xuất khẩu của các hộ kinh doanh làng nghề thủ công mỹ nghệ và Nghiên cứu nhu cầu phát triển sản phẩm mới (sản phẩm thẻ, tài khoản U18, trả trước..)

Hướng tới năm 2006, bộ phận nghiên cứu thị trường tại Techcombank đặt ra mục tiêu phát triển lớn hơn và hoạt động chuyên nghiệp hơn, trở thành một bộ phận quan trọng, đóng vai trò là Ban tham mưu đắc lực về chiến lược cho Ban lãnh đạo ngân hàng.

Chăm sóc khách hàng

Quản trị quan hệ khách hàng là một hoạt động đáng chú ý trong công tác chăm sóc khách hàng của Techcombank năm 2005. Đây là một dự án nhằm lựa chọn và quản lý quan hệ với các khách hàng lớn, đem lại nhiều giá trị nhất. Dự án Quản trị quan hệ khách hàng (CRM) được thực hiện thí điểm tại Trung tâm kinh doanh với sự cộng tác của Trung tâm năng suất Việt Nam và tư vấn của chuyên gia Tổ chức năng suất Châu Á (APO).

Trong quá trình thực hiện dự án, nhiều cải tiến trong quy trình kinh doanh đã được thực hiện ngay, và nhận được phản ứng rất tích cực từ phía khách hàng. Kết thúc dự án, cùng với những kết quả thu được và sự tư vấn của chuyên gia có nhiều kinh nghiệm quốc tế, Techcombank đã xây dựng được mục tiêu và kế hoạch hành động quản trị khách hàng cho 5 năm tới và kế hoạch thực hiện cụ thể cho năm đầu tiên. Bước đầu, trong năm 2006 Ngân hàng sẽ triển khai một số công việc như xây dựng trung tâm thông tin khách hàng, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đem lại sự hài lòng nhất cho khách hàng.

Bên cạnh đó, hoạt động chăm sóc khách hàng thường kỳ của ngân hàng đang ngày càng được chú trọng nhiều hơn, việc tư vấn cho các khách hàng về sản phẩm dịch vụ của ngân hàng, các thắc mắc của khách hàng về chất lượng dịch vụ phần lớn được giải đáp kịp thời thông qua các kênh: điện thoại, email, website, hòm thư góp ý tại các điểm giao dịch,...

QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro là một trong các công tác có tầm quan trọng hàng đầu đối với hoạt động kinh doanh Techcombank. Trong năm 2005, Techcombank tiếp tục hoàn thiện chính sách và các quy trình quản trị rủi ro, hoàn thiện tổ chức và các hoạt động kiểm tra kiểm soát để tăng cường hơn nữa khả năng quản trị rủi ro, đáp ứng tốt hơn yêu cầu đặt ra của sự phát triển.

Quản trị rủi ro tín dụng

Hệ thống quản trị rủi ro tín dụng được Techcombank xây dựng và thực hiện nhất quán trong toàn hệ thống, đó là cơ sở để nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đánh giá, cấp tín dụng và giám sát trong toàn hệ thống Techcombank đồng bộ và hiệu quả. Năm 2005, Techcombank tiếp tục công tác phân loại và đánh giá khách hàng, phân loại khoản vay, tăng cường hệ thống phê duyệt và kiểm soát tín dụng. Tính đến thời điểm 31/12/2005, tỷ lệ nợ quá hạn trước dự phòng rủi ro trong tổng dư nợ của Techcombank đạt 2,92 % tổng dư nợ. Techcombank cũng là một trong những ngân hàng sớm nhất áp dụng đầy đủ quy định mới của Ngân hàng Nhà nước về trích dự phòng theo phân loại nợ và tuân thủ các tỷ lệ an toàn.

Quản trị rủi ro thị trường

Trong năm 2005, Techcombank tiếp tục cải tiến các mô hình quản trị rủi ro thị trường (hệ thống theo dõi và kiểm soát thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối) theo hướng tiên tiến và hiện đại.

Với chính sách quản trị rủi ro lãi suất linh hoạt, hiệu quả, Techcombank luôn duy trì gap lãi suất trong giới hạn cho phép. Chính vì vậy, trong thời gian qua, mặc dù lãi suất huy động liên tục tăng nhưng ngân hàng vẫn có một tỷ lệ biên lãi suất hiệu quả.

Công tác thiết lập báo cáo thanh khoản được thực hiện hàng ngày đã giúp cho ban lãnh đạo và bộ phận nguồn vốn có biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro thích hợp và kịp thời, chi phí thấp nhất và hiệu quả cao nhất. Hệ thống hạn mức được thiết lập chi tiết, giúp ban lãnh đạo có thể ra các quyết định điều hành chính xác, kịp thời, đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả.

Các rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là một loại rủi ro gắn liền với hoạt động của bất cứ một loại hình doanh nghiệp nào và ngành ngân hàng cũng không là ngoại lệ. Rủi ro hoạt động sẽ ngày càng lớn khi ngân hàng có quy mô ngày càng lớn và cung cấp nhiều các sản phẩm và dịch vụ. Năm 2005, Techcombank đã chú trọng nhiều hơn đến loại rủi ro này do quy mô hoạt động được mở rộng khá nhanh và cung cấp thêm nhiều loại hình sản phẩm và dịch vụ. Techcombank đã triển khai các chính sách biện pháp để kịp thời phát hiện, đánh giá, theo dõi, kiểm soát và báo cáo các rủi ro này đồng thời cũng chú trọng vào việc triển khai các hệ thống dự phòng để bảo đảm việc vận hành không bị gián đoạn.

CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG

Techcombank hiện là một trong những ngân hàng đi đầu tại Việt Nam về công nghệ, với các mục tiêu và chiến lược rõ ràng, luôn luôn chú trọng việc áp dụng công nghệ vào các hoạt động vận hành và quản trị của ngân hàng, coi đây là cơ sở nền tảng của việc tạo ra các dịch vụ ngân hàng hiện đại, chính xác, tự động, trực tuyến, có nhiều giá trị cho khách hàng trong khi đồng thời cho phép ngân hàng có được các công cụ tiên tiến, tự động và đa chiều trong việc quản trị hoạt động kinh doanh và kiểm soát rủi ro.

Trong năm 2005, Techcombank đã nâng cấp thành công phần mềm quản trị ngân hàng lõi (core banking) từ phiên bản Globus lên phiên bản T24 (T24r5) của nhà cung cấp các giải pháp ngân hàng hàng đầu thế giới Temenos. Hệ thống phần mềm quản trị ngân hàng T24r5 với các tính năng tiên tiến nổi bật như hỗ trợ đa máy chủ, cải thiện đáng kể tốc độ расчет và truy xuất thông tin, cho phép thực hiện tới 1,000 giao dịch ngân hàng/giây, cùng lúc cho phép tới 110,000 người truy cập, và quản trị tới 50 triệu tài khoản khách hàng. T24r5 cũng hỗ trợ thực hiện giao dịch qua hệ thống 24h/ngày, xóa bỏ tình trạng giao dịch qua hệ thống bị ngừng trệ trong thời gian quyết toán theo phương thức khóa ngày truyền thống.

Một phần mềm quan trọng khác cũng đã được Techcombank khai trương trong năm 2005, đó là hệ thống phần mềm chuyển mạch và quản lý

thẻ Compass Plus, hệ thống quản lý thẻ mới và hiện đại này cung cấp cho Techcombank những ứng dụng công nghệ tiên tiến theo các chuẩn mực quốc tế, tạo điều kiện cho Techcombank chủ động xây dựng một hệ thống sản phẩm thẻ đa dạng có khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong lĩnh vực thẻ.

Cũng trong năm qua, Techcombank đã ký kết Thỏa thuận hợp tác với Công ty điện toán và truyền số liệu VDC, qua đó hai bên sẽ hợp tác với nhau trong việc gắn kết cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin và Truyền thông - Ngân hàng để cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng cho khách hàng và người sử dụng. Thỏa thuận hợp tác giữa Techcombank và VDC sẽ có 2 giai đoạn chính kéo dài đến năm 2006: giai đoạn xây dựng cổng thanh toán giữa VDC và Techcombank và giai đoạn liên kết phát hành thẻ thanh toán đa dịch vụ chung, cho phép khách hàng sử dụng các dịch vụ do VDC cung cấp và thanh toán qua ngân hàng,... Trong các giai đoạn tiếp theo, hai bên sẽ nghiên cứu phát triển các dịch vụ và mở rộng đối tác liên kết đồng thời đẩy mạnh hoạt động thanh toán điện tử.

Với nền tảng công nghệ hiện đại đã xây dựng được trong năm 2005, Techcombank sẽ chuẩn bị tung ra thị trường một loạt các sản phẩm mới mang hàm lượng công nghệ cao vào năm 2006, đặc biệt là các sản phẩm hướng tới khối khách hàng thế nhân, phục vụ chiến lược bán lẻ của ngân hàng giai đoạn 2005 - 2010.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Là một trong những Ngân hàng đi tiên phong trong việc áp dụng Quản lý chất lượng (QLCL) theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Techcombank đã lựa chọn Hội sở làm đơn vị đầu tiên trong hệ thống thực hiện theo tiêu chuẩn này. Sau hơn một năm triển khai và áp dụng, hệ thống QLCL đã mang lại những hiệu quả thực tế trong việc nâng cao khả năng tuân thủ của hệ thống, góp phần quan trọng vào công tác quản trị rủi ro của ngân hàng. Việc chuẩn hoá hệ thống quản lý tài liệu hồ sơ, phương pháp kiểm soát và quản lý quá trình theo ISO là cơ sở cho việc đưa ra các điểm cải tiến giúp cho hệ thống ngày càng hoàn thiện hơn và góp phần hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản trị rủi ro của Techcombank đạt hiệu quả.

Với mô hình đó phòng QLCL đã tiến hành triển khai hệ thống QLCL cho hầu hết các chi nhánh lớn, trên các địa bàn trong năm 2005. Khu vực Miền bắc: Chương Dương, Thăng Long, Ba Đình, Đông Đô, Hoàn Kiếm, Hải Phòng, Trung tâm Thủ. Khu vực Miền Trung: Chi nhánh Đà Nẵng, Thanh Khê. Khu vực Miền nam: Chi nhánh Hồ Chí Minh, Tân Bình, Gia Định, Chợ Lớn, Vũng Tàu.

Hệ thống chất lượng được triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống là nền tảng cho sự phát triển an toàn và bền vững của Techcombank trong bối cảnh hiện nay và là một trong những yếu tố tạo nên sự khác biệt trong cạnh tranh về chất lượng dịch vụ của Techcombank với các Ngân hàng khác trong khu vực.

HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG



Trong năm 2005, công tác truyền thông và quan hệ cộng đồng đã hỗ trợ đắc lực cho việc quảng bá hình ảnh và thương hiệu của Techcombank đến với công chúng. Các chiến dịch truyền thông và marketing đã góp phần tạo nên ấn tượng về một ngân hàng chuyên nghiệp, chăm lo tới khách hàng.

Sau gần hai năm triển khai chương trình biểu tượng mới, Techcombank đã xây dựng được hình ảnh thống nhất của Ngân hàng trên gần 50 điểm giao dịch trên toàn quốc, từ biển hiệu, bàn ghế, quầy giao dịch, mẫu biểu giấy tờ giao dịch... Qua đó, thể hiện cam kết của Ngân hàng cho dù đến bất kỳ điểm giao dịch nào khách hàng cũng sẽ được hưởng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng thống nhất về mặt chất lượng, hiện đại, tiện ích và nhiều giá trị gia

tăng. Nhờ áp dụng và thực hiện chính sách thương hiệu nhất quán trên toàn hệ thống, hình ảnh của Techcombank đã dần dần trở nên quen thuộc và khó quên đối với khách hàng.

Bên cạnh việc cập nhật thường xuyên những tin tức của ngân hàng trên các phương tiện thông tin đại chúng và lắng nghe những phản hồi từ phía khách hàng để hoàn thiện hơn, Techcombank cũng tham gia vào các hoạt động hỗ trợ cộng đồng như: tài trợ các hoạt động văn hóa xã hội, dành các suất học bổng cho các sinh viên khá giỏi và sinh viên vượt khó của các trường đại học (Đại học Ngoại Thương, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Bách Khoa...), hỗ trợ cho những trẻ em gặp hoàn cảnh khó khăn ("Tết mở rộng vòng tay" cho người tàn tật và trẻ mồ côi),...

**ĐỊNH HƯỚNG
CHỦ ĐẠO
TOÀN HỆ THỐNG
NĂM 2006**

- 1** Đẩy mạnh phát triển cơ sở khách hàng cá nhân và dịch vụ ngân hàng bán lẻ đa dạng, chất lượng và cạnh tranh rộng khắp các đô thị lớn.
- 2** Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển mạng lưới tại các vùng trọng điểm của đất nước với phương châm "Tiệm cận tới khách hàng".
- 3** Phát triển mạnh mẽ các dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp, chú trọng các dịch vụ ngoài bảng cân đối (OBS).
- 4** Tập trung phát triển nguồn lực nhằm chuẩn bị cho các bước phát triển lớn năm 2006.
- 5** Tập trung xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động.
- 6** Tiếp tục hoàn thiện và triển khai các dự án hiện đại hóa ngân hàng.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN TRONG NĂM 2006

- 1** Tổng tài sản tăng 88% so với năm 2005, đạt 20 ngàn tỷ đồng. Trong đó, vốn huy động dân cư đạt 7.000 tỷ và các tổ chức kinh tế đạt 4.600 tỷ đồng (tăng 40-50%).
- 2** Vốn tự có đạt 1600 tỷ đồng (tăng 100%).
- 3** Phát hành thêm 100.000 thẻ, đưa con số thẻ luỹ kế lên 160.000 thẻ, lắp đặt mới 50 máy ATM và 2000 POS.
- 4** Chênh lệch lãi suất đầu vào - đầu ra tối thiểu 3,5%/năm, lợi nhuận trên một lao động tăng 15% so với năm 2005.
- 5** Thu nhập dịch vụ đạt 142 tỷ đồng (tăng 60%), đưa tỷ lệ thu nhập dịch vụ/thu nhập hoạt động thuần lên đến 27% trong năm 2006.
- 6** Dư nợ cho vay đạt 9.800 tỷ đồng (tăng 47%) trong đó dư nợ cho vay dân cư chiếm 30%, tỷ lệ nợ loại 3-5 dưới 3% tổng dư nợ.
- 7** Lãi gộp trước thuế đạt 380 tỷ đồng (tăng 33%) với cổ tức duy trì ở mức 18%.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép hoạt động

Số 0040/NH - GP ngày 6 tháng 8 năm 1993

Giấy phép hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 20 năm kể từ ngày cấp và được gia hạn lên 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 8 tháng 10 năm 1997.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Nga
Ông Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Ông Nguyễn Thiều Quang
Ông Hoàng Văn Đạo
Ông Trần Đức Lưu

Chủ tịch
Phó Chủ tịch thứ nhất
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Uỷ viên
Uỷ viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Vinh
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương
Bà Nguyễn Thị Tích
Bà Nguyễn Thị Tâm
Ông Phạm Quang Thắng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

15 Đào Duy Từ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG, Việt Nam



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

Gửi Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Ngân hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
(Được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 3 đến trang 24. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2004 được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác và báo cáo kiểm toán của họ ngày 3 tháng 3 năm 2005 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm

toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trên báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc Ngân hàng, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.



Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy phép đầu tư số 863/GP

Báo cáo kiểm toán số 05-02-049

Mark E. Jerome
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Hồ Việt Hà
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0676/KTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

Tài sản	Thuyết minh	2005	2004
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tiền mặt tại quỹ, giấy tờ có giá và vàng	20	162.311	148.056
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3, 20	326.114	198.998
Tiền gửi tại các ngân hàng khác	4, 20	2.632.576	3.073.580
Chứng khoán đầu tư	5	1.942.620	724.289
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng	6	5.293.062	3.370.091
Đầu tư, góp vốn	7	11.838	7.965
Tài sản cố định	8	148.652	68.233
Tài sản khác	9	148.933	76.249
		10.666.106	7.667.461
Công nợ			
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác	10	2.903.954	2.360.399
Vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	11	150.102	17.058
Nguồn vốn ủy thác		110.877	9.369
Tiền gửi của khách hàng	12	6.195.072	4.600.097
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành	13	2.395	-
Vốn góp chờ phê duyệt		-	551
Các khoản phải trả khác	14	233.824	149.762
Dự phòng thuế phải trả	15	60.477	15.118
		9.656.701	7.152.354
Vốn cổ phần			
Thặng dư vốn cổ phần	16	617.660	412.700
Vốn khác		213.235	35.158
Lợi nhuận để lại		371	371
Các quỹ dự trữ	17	127.796	39.727
		50.343	27.151
		10.666.106	7.667.461
Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán			
Thu tín dụng trả ngay	22	780.273	661.269
Thu tín dụng trả chậm	22	134.142	89.852
Bảo lãnh tài chính	22	413.500	334.463
Các hợp đồng mua ngoại tệ		149.085	1.332.154
Các hợp đồng bán ngoại tệ		148.705	1.252.693
Các hợp đồng mua hàng hóa tương lai	23	214.913	33.243
Các hợp đồng bán hàng hóa tương lai	23	114.567	5.874

Người duyệt:



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Vân
Kế Toán Trưởng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

	Thuyết minh	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Thu nhập tiền lãi và các khoản có tính chất lãi		790.227	442.263
Chi phí tiền lãi và các khoản có tính chất lãi		(438.961)	(264.929)
Thu nhập tiền lãi thuần		351.266	177.334
Thu phí dịch vụ và hoa hồng		90.061	44.112
Chi phí dịch vụ và hoa hồng		(23.215)	(9.353)
Thu nhập phí dịch vụ và hoa hồng thuần		66.846	34.759
Thu nhập thuần từ kinh doanh ngoại hối		1.872	2.062
Thu nhập thuần từ đầu tư		549	500
Hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi	6	8.212	-
Thu nhập khác		14.552	5.528
Lương và các chi phí liên quan		(65.734)	(36.267)
Dự phòng nợ khó đòi	6	-	(23.306)
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành	13	(2.395)	-
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	8	(7.695)	(5.102)
Chi phí quản lý chung		(81.406)	(48.496)
Lợi nhuận trước thuế		286.067	107.012
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18	(79.911)	(30.881)
Lợi nhuận sau thuế		206.156	76.131

Người duyệt:



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân
Kế Toán Trưởng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

(Triệu VND)	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ dự trữ	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2004	180.000	510	4	19.619	8.742	208.875
Vốn góp	232.700	34.648	-	-	-	267.348
Lợi nhuận ròng trong năm	-	-	-	76.131	-	76.131
Trích lập các quỹ	-	-	-	(20.450)	21.018	568
Sử dụng quỹ dự trữ	-	-	-	-	(2.609)	(2.609)
Phân chia cổ tức	-	-	-	(39.228)	-	(39.228)
Các biến động khác	-	-	367	3.655	-	4.022
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	412.700	35.158	371	39.727	27.151	515.107
Vốn góp	111.765	263.562	-	-	-	375.327
Lợi nhuận ròng trong năm	-	-	-	206.156	-	206.156
Chuyển sang vốn cổ phần	85.485	(85.485)	-	-	-	-
Chuyển sang vốn cổ phần từ các quỹ	7.710	-	-	-	(7.710)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	(41.781)	41.781	-
Sử dụng quỹ dự trữ	-	-	-	-	(8.023)	(8.023)
Kết chuyển sang dự phòng trợ cấp thất nghiệp	-	-	-	-	(2.869)	(2.869)
Phân chia cổ tức	-	-	-	(76.306)	-	(76.306)
Các biến động khác	-	-	-	-	13	13
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	617.660	213.235	371	127.796	50.343	1.009.405

Người duyệt:



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Văn
Kế Toán Trưởng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

	Thuyết minh	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế		286.067	107.012
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	8	7.695	5.102
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành	13	2.395	-
(Hoàn nhập)/Dự phòng các khoản nợ khó đòi - thuần	6	(8.212)	23.306
Dự phòng trợ cấp mất việc hạch toán vào chi phí		-	567
Lỗ do thanh lý tài sản cố định		49	-
Thu nhập cố tức trong năm		(549)	(266)
Lợi nhuận hoạt động trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		287.445	135.721
(Tăng)/giảm tài sản hoạt động			
Tiền gửi tại các ngân hàng khác		1.386.751	413.569
Chứng khoán đầu tư - thay đổi thuần		(1.218.331)	20.337
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng		(1.914.759)	(1.180.059)
Tài sản khác		(72.671)	(37.194)
Tăng/(giảm) công nợ hoạt động			
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tài chính khác		543.555	(168.448)
Vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		133.044	(124.406)
Nguồn vốn ủy thác		101.508	(23.711)
Tiền gửi của khách hàng		1.594.975	1.980.478
Phải trả khác		79.001	62.325
Các điều chỉnh của năm trước			2.550
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		920.518	1.081.162
Trả thuế thu nhập doanh nghiệp		(35.364)	(15.772)
Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động kinh doanh		885.154	1.065.390
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Mua tài sản cố định		(88.163)	(14.467)
Tăng đầu tư góp vốn		(3.873)	-
Cổ tức thu được trong năm		549	266
Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động đầu tư		(91.487)	(14.201)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tăng vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần		374.776	252.948
Vốn góp chờ phê duyệt		-	551
Sử dụng quỹ dự trữ		(8.023)	(2.192)
Chi trả cổ tức cho cổ đông		(73.302)	(39.228)
Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động tài chính		293.451	212.079
Tăng ròng tiền và các khoản tương đương tiền		1.087.118	1.263.268
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		1.643.011	379.743
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	20	2.730.129	1.643.011

Người duyệt:



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân
Kế Toán Trưởng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

1. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") là một ngân hàng cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam để cung cấp các dịch vụ ngân hàng theo Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp vào ngày 6 tháng 8 năm 1993 với thời

hạn hoạt động ban đầu là 20 năm. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng được gia hạn lên 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 ngày 8 tháng 10 năm 1997 của NHNNVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Ngân hàng có 1.039 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2004: 685 nhân viên).

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được làm tròn đến hàng triệu, được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam, có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán phổ biến được thừa nhận ở các quốc gia khác. Do đó, các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến được thừa nhận ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Ngân hàng áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước ngoại trừ những thay đổi về chính sách kế toán được trình bày ở thuyết minh 2(f) và 2(j).

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Quy đổi ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang

VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ và đánh giá lại cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNNVN và các ngân hàng khác với thời hạn dưới 90 ngày từ thời hạn gốc tới ngày đáo hạn.

(e) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán do Chính phủ, NHNNVN và các ngân hàng khác phát hành. Các loại chứng khoán được Ngân hàng nắm giữ nhằm mục đích thu lợi trong thời gian ngắn được phân loại là công cụ kinh doanh. Các loại chứng khoán mà Ngân hàng có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là tài sản giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư khác được phân loại là tài sản sẵn có để bán.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Khi thích hợp, dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán đầu tư được lập theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

(f) Các khoản cho vay và ứng trước

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005, dự phòng cụ thể cần được lập cho các khoản cho vay và ứng trước trên cơ sở hàng quý dựa trên việc xếp hạng cho các khoản cho vay và ứng trước. Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán (ngày 31 tháng 12) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được xác định:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ dù tiêu chuẩn	Trong hạn	0%
2 Nợ cần chú ý	Quá hạn dưới 90 ngày hoặc trong hạn sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ	5%
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	Quá hạn từ 90 đến 180 ngày hoặc quá hạn dưới 90 ngày sau khi được cơ cấu lại	20%
4 Nợ nghi ngờ	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày hoặc quá hạn từ 90 đến 180 ngày sau khi được cơ cấu lại	50%
5 Nợ có khả năng mất vốn	Quá hạn trên 360 ngày hoặc quá hạn trên 180 ngày sau khi được cơ cấu lại	100%

Ngân hàng cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% trên tổng dư nợ cho vay và ứng trước được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 và số dư của các khoản bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không hủy ngang tại ngày 30 tháng 11 năm 2005. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Tại ngày lập báo cáo cân đối kế toán, Ngân hàng đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,25% trên tổng số dư trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2005.

Cùng theo Quyết định này, các khoản cho vay và ứng trước được xóa sổ khi các khoản cho vay và ứng trước đã được phân loại trong Nhóm 5 hoặc khi đối tượng vay (là tổ chức hay doanh nghiệp) bị phá sản, giải thể hay khi đối tượng vay (là cá nhân) bị chết, mất tích.

Trước đây, theo Quyết định số 488/2000/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 11 năm 2000 của NHNNVN, dự phòng nợ khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của nợ gốc và lãi phải thu.

Không có khoản dự phòng chung nào được lập đối với rủi ro quốc gia, ngoại trừ quỹ dự trữ tài chính được lập theo yêu cầu của NHNNVN (Thuyết minh số 17).

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường

được hạch toán vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

trụ sở và chi phí cải tạo trụ sở	25-30 năm
thiết bị văn phòng	4-8 năm
phương tiện vận chuyển	10 năm
tài sản khác	4-5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để có được quyền sử dụng đất chính thức. Nguyên giá của quyền sử dụng đất được tính dựa trên các chi phí phát sinh và giá trị đất được Chính phủ phê duyệt tại thời điểm mua. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(i) Ghi nhận doanh thu

Thu nhập được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

(j) Thuế

Trong năm tài chính trước, thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là khoản thuế dự kiến phải nộp tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng thuế suất đã được duyệt tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán.

Trong năm Ngân hàng đã áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách kế toán thuế của Ngân hàng đã được thay đổi như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế hiện hành và thuế hoãn lại. Thuế thu nhập được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh trừ trường hợp nó liên quan đến các sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp đó nó được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Thuế hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng thuế suất đã được duyệt tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế hoãn lại được tính theo phương pháp công nợ bằng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị được sử dụng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên giá trị dự tính về việc thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của tài sản hay khoản nợ phải trả. Thuế hoãn lại được tính theo mức thuế suất tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế hoãn lại chỉ được ghi nhận trong báo cáo tài chính khi chắc chắn là sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai mà Ngân hàng có thể dùng tài sản này để đối trừ. Tài sản thuế hoãn lại chỉ được giảm đi khi không còn thấy rõ khả năng lợi ích thuế liên quan sẽ được thực hiện.

Sự thay đổi chính sách kế toán được áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 và các số liệu so sánh của năm tài khóa kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004, tuy nhiên không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu này.

(k) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(l) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

(m) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các nhà đầu tư, các công ty con và các công ty thành viên.

(n) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo các Thông tư số 07/2004/TT-BTC và 82/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính, Ngân hàng phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc. Dự phòng hàng năm sẽ từ 1% đến 3% tổng quỹ lương. Trước đây, theo Nghị định 166/1999/NĐ-CP, Ngân hàng phải trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc. Trong năm, số dư Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc được kết chuyển sang Dự phòng trợ cấp thôi việc nằm trong các khoản phải trả khác trên báo cáo cân đối kế toán.

(o) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng có các cam kết ngoại bảng như sau:

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng tham gia các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền mặt. Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa.

(ii) Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Ngân hàng tham gia các hợp đồng hàng hóa tương lai nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro thị trường do biến động của giá cả hàng hóa.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

Các hợp đồng hàng hóa tương lai là các cam kết mua hoặc bán một loại hàng hóa nhất định tại một thời điểm xác định trong tương lai theo mức giá được xác định trước và có thể được thanh toán bằng tiền hoặc một tài sản tài chính khác.

(iii) Các cam kết và các khoản công nợ chưa xác định
Tại bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng

các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và công nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và các khoản công nợ tiềm ẩn không phản ánh lung lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

3. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản vãng lai.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thá nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn 8% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2004: 8%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước

bằng ngoại tệ với kỳ hạn dưới 12 tháng; 2% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2004: 2%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ với kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng; 5% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2004: 5%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng VND với kỳ hạn dưới 12 tháng; và 2% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2004: 2%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng VND với kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng.

Tiền gửi tại NHNNVN theo loại tiền tệ như sau:

	2005 Triệu VND	2004 Triệu VND
VND	317.387	139.192
Đô la Mỹ ("US\$")	8.727	59.806
	<hr/>	<hr/>
	326.114	198.998

Lãi suất thực tế năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	2005	2004
Tiền gửi bằng VND		
Trong mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	1,2%	1,2%
Ngoài mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	0%	0%
 Tiền gửi bằng US\$		
Trong mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	0%	0%
Ngoài mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	1%	1%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

4. TIỀN GỬI TẠI CÁC NGÂN HÀNG KHÁC

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	91.332	77.430
Tiền gửi có kỳ hạn	2.541.244	2.987.760
Cho vay ủy thác	-	8.390
	2.632.576	3.073.580

Tiền gửi tại các ngân hàng khác theo loại tiền tệ như sau:

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
VND	1.909.142	2.304.925
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	723.434	768.655
	2.632.576	3.073.580

Lãi suất thực tế năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	2005	2004
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2,4%	2,4%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1% - 1,5%	0,5% - 1,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	6,8% - 9%	7% - 9%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,1% - 4,7%	1% - 3%

5. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi ("CCTG") Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (i)	623.639	283.000
Trái phiếu và kỳ phiếu Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long (ii)	290.000	100.000
Tín phiếu, trái phiếu và CCTG Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (iii)	368.521	173.021
Tín phiếu và trái phiếu Kho bạc Nhà nước (iv)	450.690	68.648
Trái phiếu Quỹ đầu tư và phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh (v)	99.620	99.620
CCTG Ngân hàng Công thương Việt Nam (vi)	70.000	-
Trái phiếu Quỹ hỗ trợ phát triển (vii)	40.000	-
Trái phiếu ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (viii)	150	-
Tổng số dư tại ngày 31 tháng 12	1.942.620	724.289

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

(i) Khoản này bao gồm trái phiếu kỳ hạn 5 năm bằng VNĐ và CCTG kỳ hạn 2 năm bằng VNĐ và có lãi suất tương ứng là 8,46%/năm (2004: 7,76%/năm) và 7,8% - 8,76%/năm. Lãi được trả trước.

(ii) Khoản này bao gồm trái phiếu kỳ hạn 2 năm bằng VNĐ và kỳ phiếu kỳ hạn 1 năm bằng VNĐ và có lãi suất tương ứng là 9,1%/năm và từ 8,64% đến 9,24%/năm (2004: 8,16%/năm). Lãi trái phiếu được trả trước. Lãi kỳ phiếu được trả khi đáo hạn.

(iii) Khoản này bao gồm tín phiếu kỳ hạn 1 năm bằng VNĐ, trái phiếu kỳ hạn 2 năm bằng US\$ và CCTG kỳ hạn 1 năm và 2 năm bằng VNĐ. Lãi suất của tín phiếu là 8,4%/năm. Lãi suất trái phiếu là 2,49%/năm (2004: 2,49%/năm). Lãi suất CCTG kỳ hạn 1 năm là 8,45%/năm (2004: 7,56%/năm) và kỳ hạn 2 năm là 8,52%/năm (2004: 8,45%/năm). Lãi của tín phiếu và trái phiếu được trả trước. Lãi CCTG được trả khi đáo hạn.

(iv) Trái phiếu Kho bạc có kỳ hạn 5 năm. Trái phiếu này bằng VNĐ và có lãi suất từ 7,2% đến 8,75%/năm (2004: 8% đến 8,5%/năm). Lãi được trả hàng năm hay khi đáo hạn.

(v) Trái phiếu Quỹ đầu tư và phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 5 và 10 năm và có lãi suất là 8,63%/năm (2004: 8,52% đến 9%/năm). Lãi được trả sau mỗi năm.

(vi) CCTG do Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn hai năm bằng VNĐ với lãi suất là 8,63%/năm. Lãi được trả trước.

(vii) Trái phiếu do Quỹ hỗ trợ phát triển phát hành có kỳ hạn 5 năm và 15 năm bằng VNĐ với lãi suất tương ứng là 8,6%/năm và 9,4%/năm. Lãi được trả sau mỗi năm hay khi đáo hạn.

(viii) Trái phiếu do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phát hành kỳ hạn 5 năm bằng VNĐ với lãi suất là 8,8%/năm. Lãi được trả khi đáo hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Ngân hàng cầm cố chứng khoán có giá trị 1.204.433 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2004: 417.996 triệu VNĐ) cho các khoản tiền gửi và tiền vay từ các ngân hàng khác và NHNNVN.

6. CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Ngân hạn	3.746.707	2.498.398
Trung và dài hạn	1.633.329	967.142
Dự phòng các khoản cho vay và ứng trước	5.380.036	3.465.540
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng	(86.974)	(95.449)
	5.293.062	3.370.091

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng theo ngành kinh tế như sau:

	2005 Triệu VNĐ	%	2005 Triệu VNĐ	%
Nông lâm nghiệp	289.901	5%	70.007	2%
Thương mại, sản xuất và chế biến	2.334.029	43%	1.620.756	47%
Xây dựng	253.256	5%	163.607	5%
Bến bãi, vận tải và truyền thông	97.098	2%	134.679	4%
Khách sạn	369.335	7%	140.322	4%
Khác	2.036.417	38%	1.336.169	38%
	5.380.036	100%	3.465.540	100%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

Các khoản cho vay và ứng trước theo loại khách hàng như sau:

	2005 Triệu VNĐ	%	2004 Triệu VNĐ	%
Doanh nghiệp nhà nước	393.230	7%	367.823	10,7%
Công ty trách nhiệm hữu hạn	3.220.835	60%	2.147.000	62%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	205.055	4%	10.470	0,3%
Cá nhân và các khách hàng khác	1.560.916	29%	940.247	27%
	5.380.036	100%	3.465.540	100%

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng theo loại tiền tệ như sau:

	2005 Triệu VNĐ	%	2004 Triệu VNĐ	%
VND	3.672.599	68%	2.351.340	68%
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	1.707.437	32%	1.114.200	32%
	5.380.036	100%	3.465.540	100%

Lãi suất thực tế năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	2005	2004
Các khoản cho vay và ứng trước bằng VND	10% - 13,8%	10% - 12%
Các khoản cho vay và ứng trước bằng ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	5% - 7,8%	4,5% - 5,5%

Các thay đổi về dự phòng các khoản cho vay và ứng trước như sau:

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	95.449	83.168
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.212)	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	23.306
Xóa nợ trong năm	(263)	(11.025)
	86.974	95.449

Dự phòng các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng bao gồm:

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Dự phòng chung	13.499	-
Dự phòng cụ thể	73.475	95.449
	86.974	95.449

Ngân hàng cũng trích lập dự phòng chung cho các thư tín dụng và các khoản bảo lãnh còn hiệu lực với số tiền là 2.395 triệu đồng (Xem Thuyết minh số 13 và 2(f)). Do vậy tổng số dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và các khoản cam kết đã phát hành theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 là 89.369 triệu đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

7. ĐẦU TƯ, GÓP VỐN

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Đầu tư, góp vốn vào các tổ chức tài chính và các tổ chức tương tự - nguyên giá	4.889	3.000
Đầu tư, góp vốn vào các doanh nghiệp khác - nguyên giá	6.949	4.965
	11.838	7.965

Chi tiết các khoản đầu tư, góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 như sau:

	Vốn điều lệ của tổ chức được đầu tư Triệu VNĐ	Vốn góp Ngân hàng cam kết Triệu VNĐ	%	Vốn thực góp của Ngân hàng Triệu VNĐ
Các khoản đầu tư vào các tổ chức tài chính và các tổ chức tương tự				
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	300.000	4.889	2	4.889
Các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác				
Công ty Cổ phần Bất động sản TOGI	41.000	2.700	6,6	2.700
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dung Quất	49.000	3.500	7,1	1.535
Công ty Cổ phần Thương mại và Cho thuê Thiết bị LEACON	2.600	250	9,6	250
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Văn hoá Thiên Bảo	3.600	300	8,3	300
Công ty Đào tạo Nghiệp vụ Ngân hàng	2.910	310	10,7	310
Góp vốn liên doanh với FPT	Không có	1.824		1.824
Công ty Cổ phần Thẻ Tín dụng và Dịch vụ Ngân hàng	Không có	30		30
		13.803		11.838

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Tài sản cố định hữu hình (i)	75.202	46.002
Tài sản cố định vô hình (ii)	66.773	17.385
Xây dựng dở dang	6.677	4.846
	148.652	68.233

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

(i) Tài sản cố định hữu hình

	Trụ sở và chi phí cài tạo trụ sở	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Khác	Tổng số
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	24.970	15.559	13.001	3.573	57.103
Tăng trong năm	8.992	21.520	4.362	-	34.874
Phân loại lại	27	846	308	(1.181)	-
Thanh lý	-	(68)	(20)	(16)	(104)
Số dư cuối năm	33.989	37.857	17.651	2.376	91.873

Khấu hao lũy kế

Số dư đầu năm	2.683	5.207	2.903	308	11.101
Khấu hao trong năm	532	3.508	1.481	135	5.656
Phân loại lại	18	228	151	(397)	-
Thanh lý	-	(60)	(16)	(10)	(86)
Số dư cuối năm	3.233	8.883	4.519	36	16.671

Giá trị còn lại

Số dư cuối năm	30.756	28.974	13.132	2.340	75.202
Số dư đầu năm	22.287	10.352	10.098	3.265	46.002

(ii) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính	Quyền sử dụng đất	Khác	Tổng số
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	15.830	1.182	1.762	18.774
Tăng trong năm	5.980	45.478	-	51.458
Thanh lý	-	-	(86)	(86)
Số dư cuối năm	21.810	46.660	1.676	70.146

Khấu hao lũy kế

Số dư đầu năm	1.149	185	55	1.389
Phân bổ trong năm	2.039	-	-	2.039
Thanh lý	-	-	(55)	(55)
Số dư cuối năm	3.188	185	-	3.373

Giá trị còn lại

Số dư cuối năm	18.622	46.475	1.676	66.773
Số dư đầu năm	14.681	997	1.707	17.385

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

9. CÁC TÀI SẢN KHÁC

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Lãi dự thu	98.612	42.529
Tạm ứng cho các hoạt động ngân hàng	1.211	7.324
Chi phí trả trước	12.840	15.001
Tạm ứng nộp Ngân sách Nhà nước	772	848
Các tài sản khác	35.498	10.547
	148.933	76.249

10. TIỀN GỬI VÀ TIỀN VAY TỪ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH KHÁC

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	1.248	877
Tiền gửi có kỳ hạn	2.902.529	2.299.561
Vay từ các ngân hàng khác	177	59.961
	2.903.954	2.360.399

Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác theo loại tiền tệ như sau:

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
VND	2.243.086	1.421.285
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	660.868	939.114
	2.903.954	2.360.399

Lãi suất thực tế một năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2,4%	2,4%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,1%	0,1%
Tiền vay và tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5,8% - 8,8%	3,7% - 8,4%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,75% - 5,3%	1,1% - 1,7%

11. TIỀN VAY TỪ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Vay thương mại (i)	150.102	14.000
Vay cho mục đích đặc biệt (ii)	-	3.058
	150.102	17.058

(i) Các khoản vay này là các khoản vay ngắn hạn bằng VND với lãi suất là 3,9% đến 6,2%/năm (2004: 3%/năm).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

12. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	1.448.400	1.506.446
Tiền gửi tiết kiệm	3.891.554	2.129.288
Tiền gửi có kỳ hạn	518.447	589.722
Tiền gửi ký quỹ	336.671	374.641
	6.195.072	4.600.097

Tiền gửi không kỳ hạn có thể phải hoàn trả bất cứ lúc nào. Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có lãi suất cố định và có các kỳ hạn từ 1 tháng đến 60 tháng.

Tiền gửi ký quỹ bao gồm tiền gửi ký quỹ thanh toán séc, mở thư tín dụng và các bảo lãnh tài chính khác như bảo lãnh vay vốn, thanh toán, dự thầu và thực hiện hợp đồng của khách hàng và các mục đích khác.

Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ như sau:

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
VND	4.369.663	3.066.572
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	1.825.409	1.533.525
	6.195.072	4.600.097

Lãi suất kỳ hạn thực tế một năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	2005	2004
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2,4%	2,4%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,1%	1%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1% - 1,3%	1% - 1,2%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	7,2% - 9,72%	5,4% - 9,36%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,4% - 4,78%	1,35% - 4%

13. DỰ PHÒNG CHO CÁC KHOẢN CAM KẾT

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Dự phòng chung	-	-
Số dư đầu kỳ	-	-
Trích lập trong năm	2.395	-
Số dư cuối kỳ	2.395	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	2005 Triệu VND	2004 Triệu VND
Lãi dự trả	119.356	62.246
Cổ tức phải trả	3.004	-
Các khoản phải trả khác	111.464	87.516
	<hr/> <hr/> 233.824	<hr/> <hr/> 149.762

15. DỰ PHÒNG THUẾ PHẢI TRẢ

	2005 Triệu VND	2004 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	1.529	627
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.603	14.056
Thuế khác	345	435
	<hr/> <hr/> 60.477	<hr/> <hr/> 15.118

16. VỐN CỔ PHẦN

	2005 Triệu VND	2004 Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	412.700	180.000
Vốn góp trong năm	111.765	218.300
chuyển từ thặng dư vốn cổ phần	85.485	-
chuyển từ quỹ dự trữ	7.710	-
Vốn góp chưa được phê duyệt năm ngoái được phê duyệt năm nay	-	14.400
	<hr/> <hr/> 617.660	<hr/> <hr/> 412.700

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

17. QUỸ DỰ TRỮ

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phát triển kinh doanh	Tổng số
(Triệu VNĐ)							
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2004	366	6.569	1.250	398	117	42	8.742
Trích lập dự trữ từ lợi nhuận giữ lại năm ngoại	1.107	2.104	1.052	847	908	473	6.491
Trích lập dự trữ từ lợi nhuận năm nay	3.863	7.723	567	1.187	1.187	-	14.527
Sử dụng quỹ dự trữ trong năm	-	(172)	-	(1.041)	(1.354)	(42)	(2.609)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2004	5336	16.224	2.869	1.391	858	473	27.151
Trích lập dự trữ chuyển sang vốn cổ phần	10.308	19.585	-	7.372	4.516	-	41.781
Sử dụng quỹ dự trữ trong năm	(7.710)	-	-	-	-	-	(7.710)
Kết chuyển sang Dự phòng trợ cấp thất nghiệp	-	-	(2.869)	-	-	-	(2.869)
Biến động khác	-	-	-	-	13	-	13
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	7.934	35.809	-	4.037	2.090	473	50.343

Theo Luật các Tổ chức tín dụng và theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2005, các ngân hàng phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Các quỹ dự trữ sau đây được tính trên lợi nhuận sau thuế, và sau khi đã trích lập dự trữ bổ sung vốn được cấp và các khoản lỗ lũy kế không được khấu trừ.		
Quỹ dự phòng tài chính:	10% lợi nhuận còn lại	25% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính được sử dụng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự trữ này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phân chia.		

Theo Thông tư 07/2004/TT-BTC và Thông tư 82/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính, các ngân hàng không phải trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Thay vào đó, các ngân hàng phải lập Dự phòng trợ cấp mất việc làm (Xem Thuyết minh 2[n]). Trong năm, số dư Quỹ trợ cấp mất việc làm được kết chuyển sang Dự phòng trợ cấp mất việc làm; khoản mục này nằm trong các khoản phải trả khác trên báo cáo cân đối kế toán.

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm được tính như sau:

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Chi phí thuế hiện hành	79.911	29.778
Chi phí thuế hoãn lại	-	-
Dự phòng thiếu các năm trước	79.911	29.778
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	-	1.103
	79.911	30.881

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất 28% trên lợi nhuận trước thuế. Việc tính thuế TNDN phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của các cơ quan thuế.

Việc đối chiếu thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	286.607	107.012
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	16	-
Trừ: Thu nhập từ Trái phiếu Chính phủ không chịu thuế	(138)	(396)
Trừ: Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(549)	(266)
Lợi nhuận chịu thuế	285.396	106.350
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	79.911	29.778

19. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng tham gia các giao dịch với các bên liên quan (cổ đông, các công ty Ngân hàng đầu tư vào, ban lãnh đạo và các nhân viên của Ngân hàng, gia đình họ và các công ty do họ làm chủ) là khách hàng của Ngân hàng trong năm. Điều khoản của các giao dịch này được Ban Giám đốc Ngân hàng phê duyệt.

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Tiền gửi tại các ngân hàng khác và tiền vay từ Ngân hàng		
Ngân hàng Hồng Kông Thương Hải ("HSBC")	9.015	-
Công ty Công nghệ Mới	37.755	31.973
Công ty Nhựa cao cấp Hàng không	4.713	4.373
Công ty Xuất Nhập khẩu Hàng không	2.429	-
Công ty Thung lũng Vua	-	7.082
Công ty Thương mại Masan	2.978	3.228
Công ty Ô tô Masan	15.204	12.084
Tiền gửi tại Ngân hàng		
HSBC	158.720	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	4.476	196.456
Công ty Nhựa cao cấp Hàng không	10	162
Công ty Xuất Nhập khẩu Hàng không	12.162	3.511
Công ty Thung lũng Vua	306	381
Công ty Thương mại Masan	2.007	455
Công ty Ô tô Masan	191	631

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

20. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	162.311	148.056
Tiền gửi tại NHNNVN	326.114	198.998
Tiền gửi tại các ngân hàng khác	2.241.704	1.295.957
	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>
	2.730.129	1.643.011

21. KỲ ĐÁO HẠN CỦA TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng (tính theo thời hạn còn lại từ thời điểm kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phải thanh toán). Thực tế, kỳ đáo hạn của các tài sản và công nợ có thể khác với kỳ hạn trên hợp đồng do có những giao ước bằng lời giữa các bên hoặc những phụ lục đính kèm hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005:

	Quá hạn trên 1 năm	Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	Quá hạn dưới 6 tháng	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 tháng đến 1 năm	Trên 1 năm	Tổng số
	Triệu VNĐ							
Tài sản								
Tiền mặt tại quỹ, giấy tờ có giá và vàng	-	-	-	162.311	-	-	-	162.311
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	-	326.114	-	-	-	326.114
Tiền gửi tại các ngân hàng khác	-	-	-	1.322.170	989.533	320.873	-	2.632.576
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	290.650	150.000	369.562	1.132.408	1.942.620
Cho vay và ứng trước	6.738	26.812	64.943	587.448	1.583.363	2.153.171	957.561	5.830.036
Đầu tư, góp vốn	-	-	-	-	-	-	11.838	11.838
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	148.652	148.652
Tài sản khác	-	-	-	-	-	148.933	-	148.933
	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>
	6.738	26.812	64.943	2.688.693	2.722.896	2.992.539	2.250.459	10.753.080
Công nợ								
Tiền gửi và Tiền vay từ các tổ chức tài chính khác	-	-	-	1.328.723	1.345.779	229.452	-	2.903.954
Vay từ NHNNVN	-	-	-	138.043	12.059	-	-	150.102
Nguồn vốn ủy thác	-	-	-	-	761	35.425	74.691	110.877
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	1.283.615	1.472.611	1.769.973	1.668.873	6.195.072
Các khoản trả khác	-	-	-	-	-	233.824	-	233.824
Dự phòng thuế phải trả	-	-	-	-	1.874	58.603	-	60.477
	-	-	-	2.750.381	2.833.084	2.327.277	1.743.564	9.654.306
Chênh lệch	6.738	26.812	64.943	(61.688)	(110.188)	665.262	506.895	1.098.774

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2004:

	Quá hạn trên 1 năm	Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	Quá hạn dưới 6 tháng	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 tháng đến 1 năm	Từ 1 năm	Tổng số
Triệu VNĐ								
Tài sản								
Tiền mặt tại quỹ, giấy tờ có giá và vàng	-	-	-	148.056	-	-	-	148.056
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	-	198.998	-	-	-	198.998
Tiền gửi tại các ngân hàng khác	-	-	-	1.342.085	873.245	418.307	439.943	3.073.580
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	103.213	98.495	89.777	432.804	724.289
Cho vay và ứng trước	35.413	44.507	36.144	221.649	1.483.628	1.350.751	293.448	3.465.540
Đầu tư, góp vốn	-	-	-	-	-	-	7.965	7.965
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	68.233	68.233
Tài sản khác	-	-	-	36.956	59	403	38.831	76.249
	35.413	44.507	36.144	2.050.957	2.455.427	1.859.238	1.281.224	7.762.910
Công nợ								
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác	-	-	-	1.252.560	967.392	115.580	24.867	2.360.399
Vay từ NHNNVN	-	-	-	17.058	-	-	-	17.058
Nguồn vốn ủy thác	-	-	-	-	9.369	-	-	9.369
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	326.861	1.092.981	1.283.517	1.896.738	4.600.097
Các khoản trả khác	-	-	-	-	-	-	551	551
Vốn góp chờ phê duyệt	-	-	-	47.128	-	-	102.634	149.762
Dự phòng thuế phải trả	-	-	-	15.118	-	-	-	15.118
	-	-	-	1.658.725	2.069.742	1.399.097	2.024.790	7.152.354
Chênh lệch	35.413	44.507	36.144	392.232	385.685	460.141	(743.566)	610.556

22. CÁC CÔNG NỢ TIỀM ẨN

	Số dư - gộp Triệu VNĐ	Ký quỹ Triệu VNĐ	Số dư - thuần Triệu VNĐ
Thư tín dụng trả ngay	780.273	(75.514)	704.759
Thư tín dụng trả chậm	134.142	(16.735)	117.407
Bảo lãnh tài chính	413.500	(87.456)	326.044
Tổng	1.327.915	(179.705)	1.148.210

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

23. HỢP ĐỒNG HÀNG HÓA TƯƠNG LAI

Theo các thị trường

	Hợp đồng mua Triệu VNĐ	Hợp đồng bán Triệu VNĐ	Rủi ro thuần Triệu VNĐ
Thị trường Cà phê Luân Đôn	153.189	(43.233)	109.956
Thị trường New York	12.388	(69.155)	(56.767)
Thị trường Chicago	44.617	-	44.617
Thị trường Tokyo	4.719	(2.179)	2.540
Rủi ro thuần	214.913	(114.567)	100.346

24. CÁC CAM KẾT

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Trong vòng 1 năm	1.515	1.725
Từ 2 năm đến 5 năm	42.498	31.735
Trên 5 năm	10.136	11.597
	54.149	45.057

25. CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm nay.

Người duyệt:



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân
Kế Toán Trưởng

**BÁO CÁO CỦA
KIỂM TOÁN VIÊN
ĐỘC LẬP**

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

Gửi Hội đồng Quản trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
(Thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo cân đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cùng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 4 đến trang 30. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2004 được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác và báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 8 năm 2005 của họ đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng

tôi lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thuyết trình trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban lãnh đạo, cũng như cách trình bày tổng thể của các báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế do Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành.



KPMG Linh

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy phép đầu tư số 863/GP

Báo cáo kiểm toán số 05-02-049

**BÁO CÁO CỦA
KIỂM TOÁN VIÊN
ĐỘC LẬP**

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

Gửi Hội đồng Quản trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
(Thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo cân đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cùng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 4 đến trang 30. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2004 được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác và báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 8 năm 2005 của họ đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng

tôi lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thuyết trình trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban lãnh đạo, cũng như cách trình bày tổng thể của các báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế do Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành.



KPMG Linh

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy phép đầu tư số 863/GP

Báo cáo kiểm toán số 05-02-049

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

Tài sản	Thuyết minh	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Tiền mặt, giấy tờ có giá và vàng	22	162.311	148.056
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3, 22	326.114	198.998
Tiền gửi tại các ngân hàng khác	4, 22	2.632.576	3.021.979
Đầu tư chứng khoán	5	1.990.292	714.098
Cho vay và ứng trước cho khách hàng	6	5.380.036	3.465.540
Dự phòng tổn thất cho vay và ứng trước cho khách hàng	7	(127.154)	(190.353)
Đầu tư, góp vốn	8	11.838	7.965
Tài sản cố định	9	148.652	68.233
Tài sản khác	10	101.261	70.676
		10.625.926	7.505.192
Nợ phải trả			
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác	11	2.903.954	2.360.399
Vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	12	150.102	17.058
Nguồn vốn ủy thác		110.877	9.369
Tiền gửi của khách hàng	13	6.195.072	4.600.097
Dự phòng cho các khoản mục ngoại bảng	14	4.498	-
Vốn góp chờ phê duyệt		-	551
Phải trả khác	15	233.824	82.397
Dự phòng thuế phải trả	16	60.477	15.118
		9.658.804	7.084.989
Vốn cổ phần			
Thặng dư vốn cổ phần	17	617.660	412.700
Vốn khác		213.235	35.158
Lợi nhuận để lại		371	371
Các quỹ dự trữ	18	85.513	(55.177)
		50.343	27.151
		10.625.926	7.505.192
Các khoản mục ngoại bảng			
Thu tín dụng trả ngay	25	780.273	661.269
Thu tín dụng trả chậm	25	134.142	89.852
Bảo lãnh tài chính	25	413.500	334.463
Các hợp đồng mua ngoại tệ		149.085	1.332.154
Các hợp đồng bán ngoại tệ		148.705	1.252.693
Hợp đồng mua hàng hóa tương lai	26	214.913	33.243
Hợp đồng bán hàng hóa tương lai	26	114.567	5.874



Người duyệt:

Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Văn
Kế Toán Trưởng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

	Thuyết minh	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Thu nhập tiền lãi và các khoản có tính chất lãi	19	790.227	442.263
Chi phí tiền lãi và các khoản có tính chất lãi	19	(438.961)	(264.929)
Thu nhập lãi ròng	19	351.266	177.334
Thu nhập từ phí và hoa hồng		90.061	44.112
Chi phí trả phí và hoa hồng		(23.215)	(9.353)
Thu nhập ròng từ thuế và hoa hồng		66.846	34.759
Thu nhập thuần từ kinh doanh ngoại hối		1.872	2.062
Thu nhập thuần từ đầu tư		549	500
Hoàn nhập dự phòng tổn thất	7	62.936	-
Thu nhập khác		14.552	5.528
Lương và các chi phí liên quan		(73.757)	(38.876)
Dự phòng tổn thất	7	-	(80.529)
Dự phòng cho các khoản mục ngoại bảng	14	(4.498)	-
Khấu hao và phân bổ		(7.695)	(5.102)
Chi phí quản lý chung		(81.406)	(48.496)
Lợi nhuận trước thuế		330.665	47.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20	(79.911)	(30.881)
Lợi nhuận sau thuế		250.754	16.299

Người duyệt:



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân
Kế Toán Trưởng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

(Triệu VNĐ)	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Các nguồn vốn khác	Lợi nhuận để lại	Quỹ dự trữ	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2004	180.000	510	4	(18.062)	8.742	171.194
Vốn góp	232.700	34.648	-	-	-	267.348
Lợi nhuận ròng trong năm	-	-	-	16.299	-	16.299
Trích lập các quỹ	-	-	-	(17.841)	18.409	568
Phân chia cổ tức	-	-	-	(39.228)	-	(39.228)
Các biến động khác	-	-	367	3.655	-	4.022
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	412.700	35.158	371	(55.177)	27.151	420.203
Vốn góp	111.765	263.562	-	-	-	375.327
Lợi nhuận ròng trong năm	-	-	-	250.754	-	250.754
Chuyển sang vốn cổ phần	85.485	(85.485)	-	-	-	-
Chuyển sang vốn cổ phần từ các quỹ	7.710	-	-	-	(7.710)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	(33.758)	33.758	-
Kết chuyển sang dự phòng trợ cấp thất nghiệp	-	-	-	-	(2.869)	(2.869)
Phân chia cổ tức	-	-	-	(76.306)	-	(76.306)
Các biến động khác	-	-	-	-	13	13
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	617.660	213.235	371	85.513	50.343	967.122

Người duyệt:



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám Đốc

Hawt

Nguyễn Thị Vân
Kế Toán Trường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán

	Thuyết minh	2005 Triệu VNĐ	2004 Triệu VNĐ
Hoạt động kinh doanh			
Thu tiền lãi		754.591	429.534
Trả tiền lãi		(418.062)	(255.900)
Thu tiền phí và hoa hồng		90.061	44.112
Trả tiền phí và hoa hồng		(23.215)	(9.353)
Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ - thuần		1.872	2.062
Chi phí hoạt động kinh doanh		(146.764)	(113.535)
Các thu nhập khác		14.552	5.762
		273.035	102.682
<i>Thay đổi trong tài sản và công nợ hoạt động kinh doanh</i>			
Tiền gửi tại các ngân hàng khác		1.386.751	413.569
Chứng khoán đầu tư - biến động thuần		(1.218.331)	20.337
Cho vay và ứng trước cho khách hàng (thuần)		(1.914.759)	(1.180.059)
Các tài sản khác		(24.938)	(6.279)
Tiền gửi và tiền vay từ các ngân hàng khác		543.555	(168.448)
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		133.044	(124.406)
Nguồn vốn ủy thác		101.508	(23.711)
Tiền gửi của khách hàng		1.594.975	1.980.478
Phải trả khác		37.655	64.390
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</i>	24	912.495	1.078.553
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(35.364)	(15.772)
<i>Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động kinh doanh</i>		877.131	1.062.781
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Mua tài sản cố định		(88.163)	(14.467)
Tăng đầu tư góp vốn		(3.873)	-
Cổ tức thu được trong năm		549	266
<i>Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động đầu tư</i>		(91.487)	(14.201)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tăng vốn cổ phần và thặng dư cổ phần		374.776	252.948
Vốn góp chờ phê duyệt		-	551
Các biến động khác trong vốn cổ phần		-	417
Chi trả cổ tức cho cổ đông		(73.302)	(39.228)
<i>Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động tài chính</i>		301.474	214.688
Tăng tiền ròng và các khoản tương đương tiền		1.087.118	1.263.268
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		1.643.011	379.743
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	22	2.730.129	1.643.011



Người duyệt:

Nguyễn Thị Vân
Kế Toán Trưởng

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG NETWORK

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HỘI SỞ TECHCOMBANK

15 Đào Duy Từ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Tel: +84 (4) 824 3941 Fax: +84 (4) 825 0545
Telex: 411 349 HSC TCB
SWIFT: VTCBVN VX REUTERS: TCBV
E-mail: ho@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK BA ĐÌNH

132- 138 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 (4) 734 3233 / Fax: +84 (4) 734 3238
E-mail: badinh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK BÁT ĐÀN

27 Bát Đàn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 (4) 923 1401 / Fax: +84 (4) 923 1401
E-mail: batdan@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK BIGC

17 Lô 14A, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (4) 783 0668 / Fax: +84 (4) 783 0671
E-mail: BigC@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK CHƯƠNG DƯƠNG

100 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội
(Tòa Nhà Công ty Arimex - Airimex Tower)
Tel: +84 (4) 872 2222 / Fax +84 (4) 872 2242
E-mail: chuongduong@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK CỬA NAM

75 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 (4) 936 4455 / Fax +84 (4) 936 4454
E-mail: cuanam@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK ĐỐNG ĐA

192 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 (4) 537 3586 / Fax: +84 (4) 537 3565
E-mail: dongda@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK ĐÔNG ĐÔ

Tầng 1, tòa nhà 18T1, Khu đô thị
Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: +84 (4) 251 1032 / Fax: +84 (4) 251 1035
E-mail: dongdo@techcombank.com.vn

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG

16 Trần Hưng Đạo, Hải Phòng
Tel: +84 (31) 810 868 / Fax: +84 (31) 810 866
E-mail: haiphong@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK NGÔ QUYỀN

72 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
Tel: +84 (31) 847 668 / Fax: +84 (31) 847 669
E-mail: ngoquyen@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK KIẾN AN

220 Trần Thành Ngọ, Q. Kiến An, Hải Phòng
E-mail: kienan@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK TÔ HIỆU

267 A Tô Hiệu, Hải Phòng
Tel: +84 (31) 700 287 / Fax: +84 (31) 700 866
E-mail: tohieu@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK HÀNG ĐẦU

25 B, Phan Đình Phùng, Hà Nội
Tel: +84 (4) 733 6868 / Fax: +84 (4) 734 4566
E-mail: hangdau@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK HÀ ĐÔNG

Số 387 Đường Quang Trung, thị xã Hà Đông, Hà Tây
Tel: +84 (034) 529 875 / Fax: +84 (034) 529 877
E-mail: hadong@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK HOÀN KIẾM

72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 (4) 942 6868 / Fax: +84 (4) 942 7374
E-mail: hoankiem@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK HOÀNG QUỐC VIỆT

Tầng 1, tòa nhà Thời báo Kinh tế Việt Nam,
98 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.
Tel: +84 (4) 2670269/70/71
Fax: +84 (4) 2670265
E-mail: hoangquocviet@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK KHÂM THIÊN

358 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 (4) 511 3096 / Fax: +84 (4) 511 3097
E-mail: khamthien@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK KIM LIÊN

Kiốt số 12, Tầng 1, Nhà B10, Kim Liên,
Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 (4) 577 1336, 577 1338
Fax: +84 (4) 577 1337
E-mail: kimlien@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK LÝ THƯỜNG KIỆT

25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 (4) 934 7819 / Fax: +84 (4) 824 9877
E-mail: lythuongkiet@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK LINH ĐÀM

Số CC2A, Khu đô thị mới Bắc Linh Đàm,
Phường Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
Tel: +84 (4) 641 6088 / Fax: +84 (4) 641 6090
E-mail: linhdam@techcombank.com.vn

TỈNH HƯNG YÊN

TECHCOMBANK HƯNG YÊN

37 Bàn Yên Nhàn, Mỹ Hào, Hưng Yên
Tel: +84 (32) 1941 158
Fax: +84 (32) 1941 160
E-mail: hungyen@techcombank.com.vn

TỈNH HÀI DƯƠNG

TECHCOMBANK HÀI DƯƠNG

79 Thống Nhất, TP. Hải Dương
Tel: +84 (32) 083 5866
Fax: +84 (32) 083 5867
E-mail: laocai@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK NGỌC KHÁNH

52 Nguyễn Chí Thanh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 (4) 775 5386 / Fax: +84 (4) 775 5385
E-mail: ngockhanh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK NỘI BÀI

Tầng 1, Nhà khai thác dịch vụ Bưu điện
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội
Tel: +84 (4) 584 0538 / Fax: +84 (4) 584 0539
E-mail: noibai@techcombank.com.vn

QUÀY THU ĐỔI NGOẠI TỆ SÂN BAY NỘI BÀI

Sảnh A - Quốc tế đến, Tầng 1, Nhà ga T1
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội
Tel: +84 (4) 584 4371 / Fax: +84 (4) 584 4371
E-mail: noibai@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK TÂY SƠN

Tầng 1, Tòa nhà Hacinco,
324 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
E-mail: tayson@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK THANH XUÂN

356 Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
Tel: +84 (4) 554 2698 / Fax: +84 (4) 554 2706
E-mail: thanhxuan@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK THĂNG LONG

193 C3 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: +84 (4) 976 0055 / Fax: +84 (4) 976 0057
E-mail: thanglong@techcombank.com.vn

TỈNH BẮC NINH

TECHCOMBANK BẮC NINH

225 Ngõ Gia Tự, Phường Suối Hoa,
Thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Tel: +84 (241) 811 989 / Fax: +84 (241) 811 949
E-mail: bacninh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK TIỀN SƠN

Siêu thị Từ Sơn, Số 105 Phố Mới,
Thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
E-mail: tienson@techcombank.com.vn

TỈNH LÀO CAI

TECHCOMBANK CẦU KIỀU

19 Nguyễn Huệ, TP. Lào Cai, Lào Cai
Tel: +84 (20) 830 655
Fax: +84 (20) 830 660
E-mail: caukieu@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK LÀO CAI

10 Hoàng Liên, TP. Lào Cai, Lào Cai
Tel: +84 (20) 822 595
Fax: +84 (20) 822 598
E-mail: laocai@techcombank.com.vn

TỈNH VĨNH PHÚC

TECHCOMBANK VĨNH PHÚC

12 Trần Phú, P.Liên Bảo, Thị xã Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
Tel: +84 (21) 1847 299 / Fax: +84 (21) 1847 300
E-mail: vinhphuc@techcombank.com.vn

TỈNH KHÁNH HÒA

TECHCOMBANK NHA TRANG

38 Thống Nhất, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Tel: +84 (058) 818 177
Fax: +84 (058) 818 166
E-mail: nhatrang@techcombank.com.vn

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TECHCOMBANK ĐÀ NẴNG

244-248 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng
Tel: +84 (511) 655 118
Fax: +84 (511) 655 455
E-mail: danang@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK HẢI CHÂU

291 Ông Ích Khiêm, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: +84 (511) 866 607
Fax: +84 (511) 866 609
E-mail: haichau@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK HÒA KHÁNH

661 Tân Đức, Liên Chiểu, Đà Nẵng
E-mail: hoakhanh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK HỘI AN

627 Hai Bà Trưng, Thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam
Tel: +84 (510) 917 887/88
Fax: +84 (510) 917 886
E-mail: thanhkhe@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK PHAN CHU TRINH

97 Phan Chu Trinh, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: +84 (511) 562 998 /99
Fax: +84 (511) 562 997
E-mail: phanchutrinh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK THANH KHÊ

22-26 Điện Biên Phú, Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: +84 (511) 646 890
Fax: +84 (511) 646 889
E-mail: thanhkhe@techcombank.com.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TECHCOMBANK AN LẠC

468-470 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A,
Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 752 4852 / Fax: +84 (8) 752 4854
E-mail: anlac@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK BÌNH PHÚ

137-139 Chợ Lớn, khu dân cư Bình Phú,
P.11, Q.6, TP. Hồ Chí Minh
E-mail: binhphu@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK CHỢ LỚN

78-80-82 Hậu Giang, Q. 6, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 960 3949 / Fax: +84 (8) 960 3948
E-mail: cholon@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK GIA ĐỊNH

30 Phan Đăng Lưu, Phường 6,
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 551 0410 / Fax: +84 (8) 551 0409
E-mail: giadinh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK HỒ CHÍ MINH

24-26 Pasteur, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (8) 821 2148 / Fax: +84 (8) 821 2153
E-mail: hochiminh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK HƯNG ĐẠO

857 Trần Hưng Đạo, P.1,
Q. 5, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 924 2602 /
Fax: +84 (8) 836 2202
E-mail: hungdao@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK KỲ HÒA

425 Sư Vạn Hạnh, Phường 12,
Q. 10, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 880 0272; 880 0273;
Fax: +84 (8) 865 4480
E-mail: govap@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK LÊ VĂN SỸ

281 Lê Văn Sỹ, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

TECHCOMBANK LÊ QUANG ĐỊNH

356A Lê Quang Định, P.11,
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

TECHCOMBANK NGUYỄN TẤT THÀNH

298A Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 941 3235 / Fax: +84 (8) 941 3230
E-mail: nguyentatthanh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK NGUYỄN VĂN TRŐI

14 Nguyễn Văn Trỗi, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

TECHCOMBANK PHÚ MỸ HƯNG

15 Nguyễn Văn Linh, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 412 0001 / Fax: +84 (8) 412 0538
E-mail: phumyhung@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK PHÚ THỌ

447 Lê Đại Hành, Phường 11,
Q. 11, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 962 8668 / Fax: +84 (8) 858 0168
E-mail: phutho@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK QUANG TRUNG

170 C Quang Trung, P 10,
Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 446 3304; 446 3306;
446 3307 / Fax: +84 (8) 446 3305
E-mail: govatp@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK TÂN BÌNH

5 Cộng Hòa, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (8) 811 7536 /
Fax: +84 (8) 811 7531
E-mail: tanbinh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK TÂN SƠN NHẤT

26 Hồng Hà, P.2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 848 9850 / Fax: +84 (8) 848 9851
E-mail: tansonnhat@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK THẮNG LỢI

107 N Trường Định, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + 84 (8) 930 4532 / Fax: + 84 (8) 930 4491
E-mail: truongdinh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK TRƯỜNG CHINH

826A, Đường Trường Chinh, P. 15, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (8) / Fax: +84 (8)
E-mail: truongchinh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK THỦ ĐỨC

240 Võ Văn Ngàn, P. Phúc Thọ,
Q. Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh
E-mail: thuduc@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK VĂN THÁNH

21 Điện Biên Phú, P. 25,
Q. Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
Tel: +84 (8) 512 6268 / Fax: +84 (8) 899 2926
E-mail: vanthanh@techcombank.com.vn

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

TECHCOMBANK BÀ RỊA

23-24 Lô C, khu Trung tâm Thương mại,
P. Phước Trung, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
E-mail: baria@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK VŨNG TÀU

337 - 339 Nguyễn An Ninh, P. 9,
TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Tel: +84 (064) 595 656 / Fax: +84 (064) 595 657
E-mail: vungtau@techcombank.com.vn

www.techcombank.com.vn